



THANH HOA SONG DA

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ

Đ/c: 25 Đại lộ Lê Lợi, Phường Lam Sơn, Thành phố Thanh Hóa;

Tel: (0237) 3724 892 Fax: (0237) 3855 750;

Website: <http://thanhhoasongda.com.vn>

Email: Ketoan@thanhhoasongda.com.vn

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm 2018

Tên công ty: CÔNG TY CP THANH HOA - SÔNG ĐÀ

**Địa chỉ : 25 Đại lộ Lê Lợi - Phường Lam Sơn
Thành phố Thanh Hóa**

Điện thoại : 02373 724 892 / 02373 852 230

0984 034 443 / 0903 452 212

Fax : 02373 855 750

Email : Ketoan@thanhhoasongda.com.vn

Website : <Http://thanhhoasongda.com.vn>

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch : Công ty cổ phần Thanh Hoa Sông Đà
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 2800772376
- Vốn điều lệ : 30.000.000.000đ (Ba mươi tỷ đồng)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 30.000.000.000đ (Ba mươi tỷ đồng)
- Địa chỉ : 25 Đại lộ Lê Lợi, Phường Lam Sơn, Thành phố Thanh Hóa
- Số điện thoại : 02373 724 892 / 02373 755 050
- Số fax : 02373 855 750
- Website : <http://thanhhoasongda.com.vn>
- Mã chứng khoán : **THS**

2. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Thanh Hoa Sông Đà tiền thân là Công ty công nghệ phẩm Thanh Hóa, cổ phần hóa theo Nghị định 64/CP của Chính phủ.

Ngày 15/09/2003, UBND tỉnh Thanh Hóa đã phê duyệt Quyết định số 2941/QĐ/UB về việc chuyển đổi Công ty công nghệ phẩm Thanh Hoá thành công ty cổ phần với mức vốn điều lệ 5 tỷ đồng, lấy tên là Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ Thanh Hoa.

Do nhu cầu bức thiết phải đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, tháng 5/2004, Công ty Cổ phần thương mại và dịch vụ Thanh Hoa đã mời Tổng Công ty Sông Đà góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Thanh Hoa - Sông Đà với số vốn điều lệ là 10,1 tỷ đồng, trong đó Tổng Công ty Sông Đà nắm giữ 51%.

Kể từ khi thành lập đến nay, Công ty đã trải qua hai lần tăng vốn điều lệ. Tính đến năm 2010, Công ty chính thức ghi nhận mức vốn điều lệ là 30 tỷ đồng.

Năm 2014 Tổng Công ty Sông Đà thoái vốn (51% VDL) tại Công ty theo chủ trương chung của Nhà nước và Kế hoạch tổ chức lại Tổng công ty Sông Đà đã được Bộ Xây Dựng Phê duyệt. Từ ngày 26/05/2014 Công ty không còn phần vốn góp của Nhà nước, chuyển sang cơ chế quản lý mới với 100% vốn góp của các thể nhân.

Ngày đăng ký trở thành Công ty đại chúng : 12/04/2008

Ngày niêm yết CP công ty trên sở giao dịch chứng khoán Hà Nội : 05/11/2013

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Hoạt động chính của công ty là kinh doanh thương mại bán buôn các mặt hàng tiêu dùng và dịch vụ cho thuê mặt bằng kinh doanh

- Kinh doanh thương mại

- ✓ Xí nghiệp 1: Bán buôn các mặt hàng sứ Hải Dương, Nhôm sắt tráng men Hải Phòng, nhựa Đại Đồng Tiến, hàng điện tử điện lạnh ASANZO...
- ✓ Xí nghiệp 2: Cung cấp và lắp đặt nội thất Hòa Phát, nội thất Xuân Hòa, Nội thất 190, thạch cao Hitacom và các sản phẩm phụ trợ...
- ✓ Xí nghiệp 3: Bán buôn các mặt hàng chăn ga gối đệm Sông Hồng, Bóng đèn phích nước Rạng Đông, điện tử Nagakawa, các loại quạt điện Thống Nhất, Chinh Hai, 91,...
- ✓ Xí nghiệp 6: Cung ứng và lắp đặt thiết bị điện tử điện lạnh các hãng Aqua, Funiki, Samsung, LG, Daikin, Asanzo...

Các xí nghiệp cung ứng bán buôn cho các đại lý và các dự án trong và ngoài tỉnh.

- Dịch vụ cho thuê

Các điểm cho thuê:

- ✓ Siêu thị 301 Trần Phú
- ✓ Trung tâm thương mại 25 Lê Lợi

Các đơn vị thuê: Chi nhánh Ngân hàng NN&PT nông thôn thành phố Thanh Hoá, Công ty TNHH An Thành (*hàng thời trang Nem*), Công ty Ngôi Sao (*cửa hàng xe máy YAMAHA*), Công ty TNHH may thuê giày An Phước (*hàng thời trang*), Công ty Ngôi Sao (*cửa hàng xe máy YAMAHA*), Công ty CP Mediamart Việt Nam (*siêu thị điện máy Mediamart*)...



Trung tâm thương mại 25 Đại lộ Lê Lợi



Trung tâm thương mại 301 Trần Phú

Cơ cấu Doanh thu thuần của Công ty

Đơn vị: 1.000 đồng

| SẢN PHẨM/ DỊCH VỤ | NĂM 2016 | | NĂM 2017 | | NĂM 2018 | |
|----------------------------|--------------------|-------------|--------------------|-------------|--------------------|-------------|
| | GIÁ TRỊ | % DTT | GIÁ TRỊ | % DTT | GIÁ TRỊ | % DTT |
| Doanh thu bán hàng hóa | 220.523.129 | 95,7% | 262.077.671 | 96,5% | 254.792.106 | 90,6% |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ | 9.937.564 | 4,3% | 9.444.043 | 3,5% | 26.282.426 | 9,4% |
| Doanh thu thuần | 230.460.693 | 100% | 271.521.714 | 100% | 281.074.532 | 100% |

Hoạt động SXKD năm 2018 của Công ty diễn ra trong tình hình thị trường hết sức khó khăn do cạnh tranh ngày càng quyết liệt và thời tiết diễn biến bất thường. Tuy nhiên Công ty đã phấn đấu hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra, Doanh thu đạt 98% kế hoạch và tăng trưởng 4% so với năm 2017.

Trong đó, doanh thu bán hàng hóa của Công ty luôn chiếm tỷ trọng cao trong doanh thu thuần của toàn Công ty (90,6% doanh thu thuần).

Cơ cấu lợi nhuận gộp của Công ty

Đơn vị: 1.000 đồng

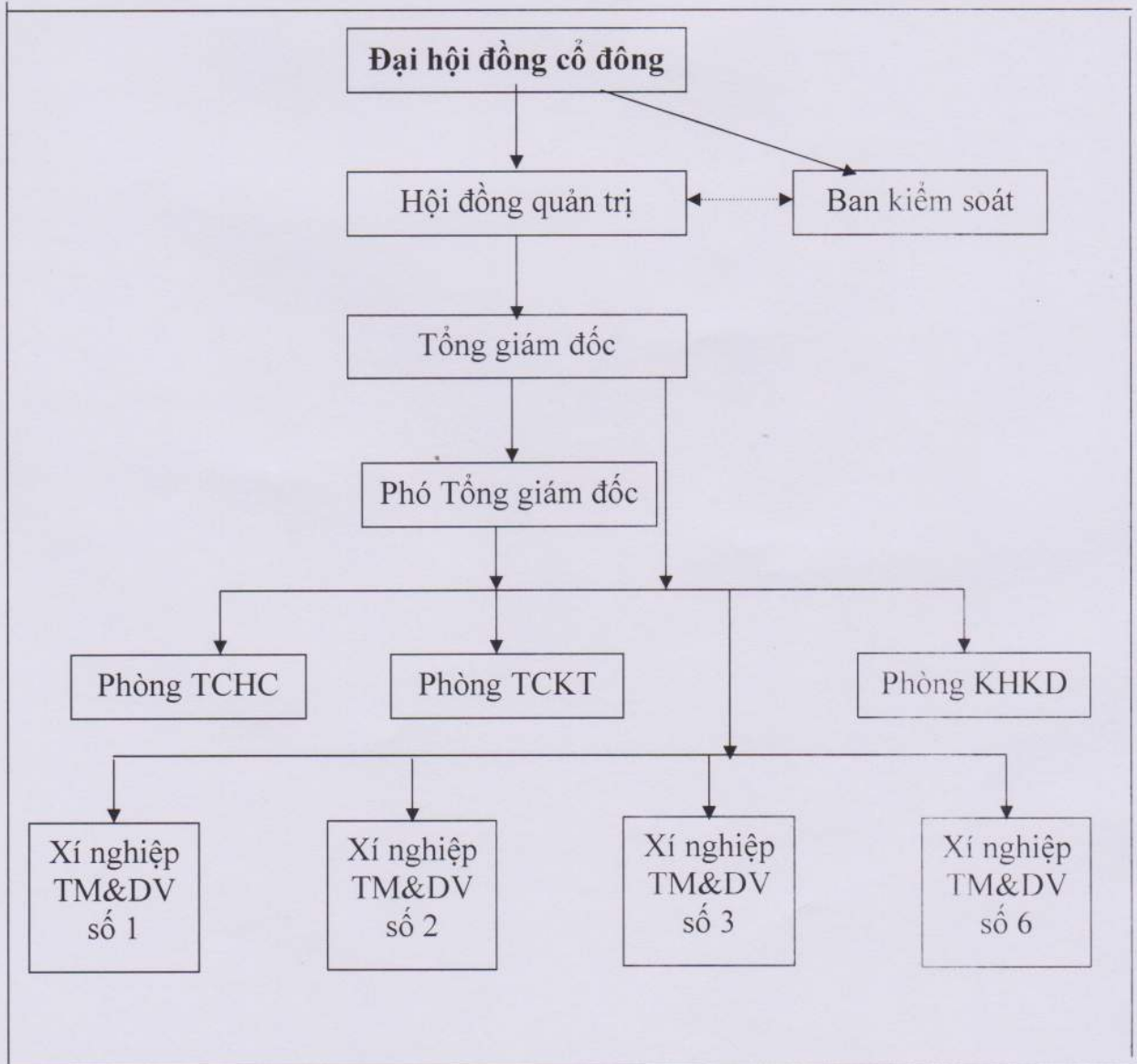
| SẢN PHẨM/ DỊCH VỤ | NĂM 2016 | | NĂM 2017 | | NĂM 2018 | |
|----------------------------|-------------------|-------------|-------------------|-------------|-------------------|-------------|
| | GIÁ TRỊ | % LNG | GIÁ TRỊ | % LNG | GIÁ TRỊ | % LNG |
| Lợi nhuận bán hàng hóa | 9.972.241 | 58,9% | 11.844.837 | 64,6% | 13.098.550 | 55,6% |
| Lợi nhuận cung cấp dịch vụ | 6.949.437 | 41,1% | 6.477.826 | 35,4% | 10.464.222 | 44,4% |
| Lợi nhuận gộp | 16.921.678 | 100% | 18.322.663 | 100% | 23.562.772 | 100% |

Mặc dù Doanh thu của hoạt động cung cấp dịch vụ chỉ chiếm 9,4% trong doanh thu thuần của toàn Công ty nhưng lợi nhuận gộp của hoạt động này lại luôn chiếm tỷ trọng khoảng lớn (44,4%). Điều này cho thấy mảng hoạt động này hiệu quả hơn so với hoạt động bán hàng hóa.

Trong năm 2018, Công ty đã tổ chức tốt hoạt động kinh doanh tiêu thụ hàng hóa nên cùng với việc doanh thu thuần tăng thì lợi nhuận gộp từ hoạt động này cũng tăng so với các năm trước.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC BỘ MÁY



Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là tổ chức quyền lực cao nhất của Công ty theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty. Đại hội đồng cổ đông có trách nhiệm thảo luận và phê chuẩn những chính sách dài hạn và ngắn hạn về phát triển của Công ty, quyết định về cơ cấu vốn, bầu ra bộ máy quản lý và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty.

Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, bao gồm 05 người, có toàn quyền

nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông mà không được ủy quyền. Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng các kế hoạch sản xuất kinh doanh, đưa ra các biện pháp, các quyết định nhằm đạt được các mục tiêu do Đại hội đồng cổ đông đề ra.

Ban kiểm soát

Có nhiệm vụ giúp Đại hội đồng cổ đông giám sát, đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty một cách khách quan nhằm đảm bảo lợi ích cho các cổ đông.

Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng Giám đốc là cơ quan điều hành mọi hoạt động kinh doanh của Công ty, chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị về toàn bộ việc tổ chức sản xuất kinh doanh, thực hiện các biện pháp nhằm đạt được các mục tiêu phát triển của Công ty.

Các phòng ban Công ty

- Phòng Kế hoạch - Kinh doanh: Có chức năng nắm bắt các thông tin kinh tế thị trường, xây dựng kế hoạch kinh doanh, kế hoạch đầu tư cho từng giai đoạn, lập phương án kinh doanh cụ thể và giám sát thực hiện, tham mưu cho Tổng Giám đốc Công ty về đầu tư, sản xuất kinh doanh.

- Phòng Tài Chính – Kế toán: Chịu trách nhiệm tổ chức hạch toán kế toán theo đúng quy định nhà nước; tham mưu cho Tổng Giám đốc Công ty về công tác tài chính kế toán; Giúp Tổng Giám đốc công ty về công tác quản lý, sử dụng vốn (tài sản, nguyên vật liệu, tiền vốn, chi phí sản xuất kinh doanh) để đạt được mục đích đề ra của Đại hội cổ đông và hội đồng quản trị, phù hợp với chủ trương, chính sách pháp luật hiện hành, các quy định của nhà nước về kế toán thống kê.

- Phòng Tổ chức - Hành chính: Là một bộ phận tham mưu, giúp việc cho Tổng Giám đốc Công ty trong việc tổ chức và quản lý nhân sự, quản lý tài sản, quản trị văn phòng, công tác bảo vệ, an ninh trật tự.

Các xí nghiệp

Xí nghiệp Thương mại & Dịch vụ Số 1:

- Địa chỉ: Lô CC4 Khu CN Tây Bắc Ga – P. Đông Thọ - TPTH
- Điện thoại/Fax: 0237. 3853 936
- Email: Xinghiepl@thanhhoasongda.com.vn
- Chức năng, nhiệm vụ: Kinh doanh các mặt hàng nhôm, sứ, nhựa dân dụng...

Xí nghiệp Thương mại & Dịch vụ Số 2:

- Địa chỉ: 13 Cao Thắng – Phường Lam Sơn - TPTH
- Điện thoại: 0237. 3852 204 Fax: 037. 3753 190
- Email: Xinghiiep2@thanhhoasongda.com.vn
- Chức năng, nhiệm vụ: Kinh doanh các mặt hàng nội thất dân dụng...

Xí nghiệp Thương mại & Dịch vụ Số 3:

- Địa chỉ: 301 Trần Phú – P. Ba Đình - TPTH
- Điện thoại: 0237. 3852 212 Fax 037. 3852 212
- Email: Xinghiiep3@thanhhoasongda.com.vn
- Chức năng, nhiệm vụ: Kinh doanh các mặt hàng chăn ga gối đệm bóng đèn phích nước, đồ điện dân dụng...

Xí nghiệp Thương mại & Dịch vụ Số 6:

- Địa chỉ: Lô CC4 Khu CN Tây Bắc Ga – P. Đông Thọ - TPTH
- Điện thoại: 0237. 3716 336 Fax 037. 3716 336
- Email: Xinghiiep6@thanhhoasongda.com.vn
- Chức năng, nhiệm vụ: Kinh doanh các mặt hàng điện tử điện lạnh dân dụng

5. Định hướng phát triển

5.1 Mục tiêu của Công ty

Xây dựng và phát triển Công ty CP Thanh Hoa Sông Đà thành doanh nghiệp kinh doanh thương mại và dịch vụ có tính chuyên nghiệp cao, đủ sức cạnh tranh, có vị thế xứng đáng và vững chắc trên thị trường, đặc biệt là thị trường Thanh Hóa

5.2 Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Phương hướng cơ bản kinh doanh giai đoạn (2019-2024) là tập trung cao độ vào các mặt hàng công ty có lợi thế cạnh tranh để mở rộng thị trường, phát triển mặt hàng ngành hàng mới, nâng cao hiệu quả kinh doanh, ưu tiên hàng đầu mục tiêu lợi nhuận, khẳng định vị thế của công ty về các mặt hàng kinh doanh chủ lực trên thương trường

*** Một số chỉ tiêu chủ yếu 5 năm (2019 – 2024)**

- Tổng giá trị SXKD: 1.815 tỷ VNĐ, tăng bình quân hàng năm 8%.
 - Doanh thu : 1.650 tỷ VNĐ, tăng bình quân hàng năm là 8 %.
 - Lợi nhuận TT : 17,7 tỷ VNĐ, tốc độ tăng bình quân hàng năm là 5%.
 - Cổ tức bình quân 9,4%/năm, tăng bình quân hàng năm là 4%
 - Nộp ngân sách nhà nước: 16,7 tỷ VNĐ, tăng bình quân hàng năm là 5 %.
 - Thu nhập BQ người lao động: 8,7 triệu VNĐ, tăng bình quân hàng năm là 4 %.
- Thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách theo quy định cho người lao động.

*** Định hướng phát triển**

Tập trung cao độ vào các mặt hàng công ty có lợi thế cạnh tranh, tích cực phát huy các ngành hàng mới có tiềm năng để mở rộng thị trường và nâng cao hiệu quả kinh doanh, ưu tiên hàng đầu mục tiêu lợi nhuận, nâng cao cổ tức cho cổ đông và thu nhập của người lao động trong công ty

Thực hiện đầu tư hợp lý, đem lại hiệu quả đầu tư cao nhất.

Tiếp tục hoàn thiện hệ thống quy chế quản lý nội bộ, nâng cao tính hiệu quả, khoa học, minh bạch và tuân thủ pháp luật

Đổi mới công nghệ kinh doanh, triển khai kinh doanh thương mại điện tử

Mở rộng thị trường, giao lưu liên kết nắm bắt cơ hội do hội nhập kinh tế quốc tế của nền kinh tế mang lại

6. Các rủi ro

Là một doanh nghiệp kinh doanh đa ngành nghề, hoạt động chủ đạo đồng thời cũng là thế mạnh của Công ty Cổ phần Thanh Hoa - Sông Đà là kinh doanh dịch vụ thương mại. Theo đó, hoạt động kinh doanh của Công ty chịu tác động trực tiếp từ thay đổi của nền kinh tế như tăng giảm tốc độ tăng trưởng GDP, các biến động trong chính sách tài khóa, tiền tệ và các rủi ro khác

6.1. Rủi ro về kinh tế

Tăng trưởng kinh tế của Việt Nam trong năm qua đã chứng tỏ sự vững vàng cho dù có trở lực bên ngoài, chủ yếu nhờ vào sức cầu mạnh trong nước kết hợp sự năng động của các ngành chế tạo, chế biến theo định hướng xuất khẩu.

Tuy nhiên trong năm Chính phủ và cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam phải đối phó với những diễn biến khó lường của thị trường và thiên tai, biến đổi khí hậu, tình hình khu vực tiếp tục diễn biến phức tạp, nguồn lực tài chính quốc gia hạn chế và yêu cầu đẩy nhanh tái cơ cấu trên nhiều lĩnh vực. Hệ thống tài chính vẫn phụ thuộc nhiều vào khu vực ngân hàng, lãi suất cho vay thời điểm cuối năm các ngân hàng đều tăng.

Trong bối cảnh đó, rủi ro về kinh tế đối với các hoạt động kinh doanh thương mại là rất hiện hữu

6.2. Rủi ro về luật pháp

Là doanh nghiệp hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần, đồng thời niêm yết cổ phiếu Công ty trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX), hoạt động của Công ty chịu ảnh hưởng của các văn bản pháp luật về công ty cổ phần, chứng khoán và thị trường chứng khoán bao gồm: Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, các văn bản dưới luật và các quy định đối với Công ty niêm yết. Tuy nhiên hệ thống luật pháp của Việt Nam đang trong quá trình xây dựng và hoàn thiện do đó các luật và văn bản dưới luật này sẽ có thể được chỉnh sửa cho phù hợp với sự phát triển của

nền kinh tế. Những sự thay đổi này sẽ có thể gây ảnh hưởng nhất định đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Chính sách mới về BHXH buộc doanh nghiệp phải tự rà soát lại và xây dựng hệ thống thang bảng lương riêng là một khó khăn cho doanh nghiệp.

6.3. *Rủi ro đặc thù*

Rủi ro về tín dụng

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh thương mại. Vào các thời điểm mùa vụ, Công ty cần một lượng vốn lớn để đáp ứng đủ cho hoạt động mua bán, dự trữ hàng hoá. Lúc đó Công ty phải bổ sung vốn kinh doanh bằng vốn vay. Với đặc điểm này, hoạt động của Công ty chứa đựng những rủi ro tiềm ẩn về tín dụng.

Trong điều kiện kinh doanh thông thường vòng quay hàng tồn kho bình quân hàng năm của Công ty khoảng 8,4 vòng. Sự luân chuyển nhanh của hàng tồn kho sẽ đảm bảo khả năng thanh toán cho vay ngắn hạn. Hiện nay, lãi suất tín dụng của Ngân hàng tuy không giảm, nhưng mức lãi suất vừa phải, chính sách cho vay của Ngân hàng cũng thông thoáng hơn, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp kinh doanh.

Rủi ro về cạnh tranh

Trong bối cảnh nền kinh tế hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, nền kinh tế Việt Nam sẽ thông thoáng hơn, số lượng hàng hoá chuyển vào ngày một nhiều, chất lượng hàng hoá dịch vụ được nâng cao, yếu tố cạnh tranh trên thương trường ngày càng khốc liệt. Việc hội nhập quốc tế trong lĩnh vực thương mại và đầu tư sẽ tạo ra cơ hội và thách thức, đòi hỏi các doanh nghiệp phải tăng năng lực cạnh tranh, phát triển phù hợp với tiêu chuẩn thông lệ quốc tế. Trước xu thế và vận hội mới, các công ty thương mại phải xem xét lại toàn bộ kinh doanh hiện tại. Nâng cao hiệu quả hoạt động, nâng cao năng lực kinh doanh, năng lực tài chính, và tìm các giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động, để có thể thích ứng và tồn tại trong môi trường kinh doanh mới.

6.4. *Rủi ro biến động giá cổ phiếu niêm yết*

Khi cổ phiếu của Công ty Cổ phần Thanh Hoa - Sông Đà được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, việc biến động giá cổ phiếu của Công ty sẽ không chỉ phụ thuộc vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty mà còn phụ thuộc vào nhiều yếu tố khác như: tình hình thực hiện công bố thông tin, tình hình cung cầu của thị trường đối với cổ phiếu của Công ty,..... Để giảm thiểu một cách tối đa những rủi ro có thể xảy ra đối với biến động giá cổ phiếu, Công ty Cổ phần Thanh Hoa - Sông Đà luôn thực hiện tốt quy định Công bố thông tin nhằm ràng buộc trách nhiệm của những cá nhân liên quan đối với việc công bố thông tin của Công ty, đảm bảo thực hiện đầy đủ và kịp thời những quy định trong Thông tư

8

155/2015/TT-BTC của Bộ tài chính ban hành ngày 06/10/2016 hướng dẫn Công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán và Quy chế công bố thông tin tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội ban hành kèm theo Quyết định số 606/QĐ-SGDCK ngày 29/9/2016. Điều này sẽ giúp các nhà đầu tư tiếp cận được với những thông tin liên quan của Công ty một cách chính xác và hiệu quả. Từ đó, các nhà đầu tư có thể đưa ra được quyết định đầu tư đúng đắn hơn.

6.5. Rủi ro khác

Các rủi ro như thiên tai, hoả hoạn, dịch hoạ, chiến tranh ... là những rủi ro do nguyên nhân bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại lớn cho tài sản, con người và hoạt động chung của Công ty.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Năm 2018 Chính phủ có nhiều biện pháp hỗ trợ doanh nghiệp, kinh tế vĩ mô có sự tăng trưởng. Tình hình tài chính công ty vững vàng, vòng quay vốn nhanh, một số mặt hàng truyền thống đang trên đà phát triển tốt, một số mặt hàng mới khai thác đã bắt kịp nhanh với thị trường là những điều kiện thuận lợi cho hoạt động kinh doanh của Công ty. Đội ngũ cán bộ công ty có bề dày kinh nghiệm. Cán bộ công nhân viên công ty đoàn kết, quyết tâm trong thực hiện nhiệm vụ được giao.

- Tuy nhiên hoạt động kinh doanh của công ty gặp nhiều khó khăn do thị trường cạnh tranh khốc liệt, một số mặt hàng truyền thống doanh thu vẫn tiếp tục giảm sút. Thời tiết diễn biến nhiều thời điểm không tuân theo quy luật, mưa bão lũ lụt nhiều đã ảnh hưởng lớn cho hoạt động kinh doanh các mặt hàng mùa vụ.

- Trong bối cảnh đó toàn công ty đã có nhiều nỗ lực, phấn đấu cơ bản hoàn thành kế hoạch kinh doanh năm. Một số chỉ tiêu quan trọng như: Lợi nhuận, thu nhập, nộp ngân sách đã đạt và vượt mức kế hoạch đề ra. Chỉ tiêu Doanh thu không hoàn thành KH, chỉ đạt 98%KH, riêng doanh thu thương mại chỉ đạt 97% so với năm trước.

Kết quả thực hiện nhiệm vụ SXKD năm 2018

| TT | Chỉ tiêu | Ước thực hiện (triệu đ) | TL hoàn thành KH năm | So cùng kỳ năm trước |
|-----------|------------------------|------------------------------------|---------------------------------|---------------------------------|
| 1 | Tổng giá trị SXKD | 312.767 | 98 | 104 |
| 2 | Doanh thu | 284.334 | 98 | 104 |
| 3 | Lợi nhuận trước thuế | 8.825 | 315 | 260 |
| 4 | Nộp ngân sách | 5.936 | 198 | 173 |
| 5 | Thu nhập Bình quân | 9,2 | 137 | 139 |
| 6 | Cổ tức dự kiến (%/năm) | 20 | 250 | 250 |

2. Tổ chức và nhân sự

Danh sách Ban điều hành

| Họ tên | Chức vụ | Số cổ phần sở hữu (CP) | Tỷ lệ cổ phần sở hữu (%) |
|------------------|-------------------|------------------------|--------------------------|
| Nguyễn Thanh Hải | Tổng giám đốc | 175.000 | 5,83 |
| Lê Văn Tường | Phó tổng giám đốc | 170.000 | 5,67 |
| Chu Thị Hòa | Phó tổng giám đốc | 164.000 | 5,47 |
| Đỗ Văn Thái | Phó tổng giám đốc | 122.100 | 4,07 |
| Vũ Thị Lý | Kế toán trưởng | 30.000 | 1,00 |

Tóm tắt sơ yếu lý lịch

Ông Nguyễn Thanh Hải - Tổng Giám đốc

Họ và tên: **Nguyễn Thanh Hải**

Giới tính: Nam

Số CMTND: 171474060 Ngày cấp: 19/05/2009 Nơi cấp: CA Thanh Hóa

Ngày tháng năm sinh: 23/10/1960

Nơi sinh: Xã Hà Bình - Huyện Hà Trung - Tỉnh Thanh Hóa

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Xã Hà Bình - Huyện Hà Trung - Tỉnh Thanh Hóa

Địa chỉ thường trú: 54 Quán Giò – P.Trường Thi – TP Thanh Hóa

Số điện thoại liên lạc: 0913.081.812

Trình độ văn hoá: 10/10

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

| | |
|------------------------|---|
| 1978 - 1986 | Đi bộ đội |
| 1987 - 2002 | Làm việc tại phòng kinh doanh Công ty Công nghệ phẩm Thanh Hoá |
| Năm 2003 - 18/04/2004 | Phó Giám đốc Công ty Thương mại & Dịch vụ Thanh Hoa |
| 19/05/2004- 07/2006 | Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty CP Thanh Hoa - Sông Đà |
| 07/2006 - 31/05/2009 | Ủy viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thanh Hoa - Sông Đà |
| 01/06/2009 – 7/12/2013 | Phó Tổng Giám đốc kiêm Ủy viên HĐQT Công ty Cổ phần Thanh Hoa - Sông Đà |
| 08/12/2013 đến nay | Tổng Giám đốc kiêm Ủy viên HĐQT Công ty Cổ phần Thanh Hoa - Sông Đà |

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Ủy viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc
Công ty CP Thanh Hoa - Sông Đà

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: không

Số cổ phần nắm giữ: 175.000 cổ phần

Số cổ phần do những người có liên quan nắm giữ:

| Họ và tên | Quan hệ với người khai | Số cổ phần nắm giữ |
|------------------|------------------------|--------------------|
| Nguyễn Thị Hoa | Vợ | 15.000 |
| Nguyễn Thuý Hồng | Con đẻ | 1.000 |

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

Ông Lê Văn Trường - Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên: **Lê Văn Trường**

Giới tính: Nam

Số CMTND: 171195060 Ngày cấp: 29/03/2013 Nơi cấp: CA Thanh Hóa

Ngày tháng năm sinh: 19/05/1958

Nơi sinh: Xã Đông Anh - Huyện Đông Sơn - Tỉnh Thanh Hóa

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh

Quê quán: Xã Đông Anh - Huyện Đông Sơn - Tỉnh Thanh Hóa

Địa chỉ thường trú: 15 Phố Cửa Hậu – P. Điện Biên – TP Thanh Hóa

Số điện thoại liên lạc: 0373.855.095/0912.384.845

Trình độ văn hoá: 10/10

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế, cử nhân Luật

Quá trình công tác:

| | |
|-------------------|--|
| 1973 - 1978 | Đi bộ đội |
| 1978 - 2000 | Làm việc tại phòng kế toán Công ty công nghệ phẩm Thanh Hoá |
| 2001 - 2002 | Phó phòng kinh doanh Công ty Công nghệ phẩm Thanh Hoá |
| 2003 - 18/04/2004 | Trưởng phòng đầu tư Công ty Thương mại và Dịch vụ Thanh Hoá |
| 19/04/2004 - nay | Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty CP Thanh Hoa - Sông Đà |

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty CP Thanh Hoa - Sông Đà

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: không

Số cổ phần nắm giữ: 170.000 cổ phần

Số cổ phần do những người có liên quan nắm giữ:

| Họ và tên | Quan hệ với người khai | Số cổ phần nắm giữ |
|---------------|------------------------|--------------------|
| Lê Minh Thông | Con đẻ | 10.000 |

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

Bà Chu Thị Hòa – Phó Tổng giám đốc công ty

Họ và tên : **Chu Thị Hòa**

Giới tính : Nữ

Số CMTND: 171893481 Ngày cấp: 18/05/2007 Nơi cấp: CA Thanh Hóa

Ngày tháng năm sinh: 17/11/1966

Nơi sinh: Xã Hoàng Hợp - Huyện Hoàng Hoá - Tỉnh Thanh Hóa

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Xã Hoàng Hợp - Huyện Hoàng Hoá - Tỉnh Thanh Hóa

Địa chỉ thường trú: 12/7 Bến Ngự - P. Trường Thi - TP Thanh Hóa

Số điện thoại liên lạc: 0983.852.699

Trình độ văn hoá: 10/10

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

| | |
|-------------------------|---|
| 1987 - 1999 | Kế toán Công ty công nghệ phẩm Thanh Hoá |
| 2000 - 2009 | Kế toán trưởng công ty CP Bách hoá số 3 – Thanh Hoa - Sông Đà |
| 2010 - 25/04/2012 | Giám đốc Xí nghiệp TM&DV số 3 – Công ty CP Thanh Hoa - Sông Đà |
| 26/04/2012 – 06/07/2014 | Ủy viên HĐQT kiêm Giám đốc xí nghiệp TM&DV số 3 - Công ty CP Thanh Hoa Sông Đà |
| 07/07/2012 đến nay | Ủy viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc cty, Giám đốc xí nghiệp TM&DV số 3 - Cty CP Thanh Hoa Sông Đà |

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty:

- Ủy viên HĐQT

- Phó Tổng giám đốc công ty

- Giám đốc xí nghiệp TM&DV số 3 - Công ty CP Thanh Hoa Sông Đà

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: không
 Số cổ phần nắm giữ: 164.000 cổ phần
 Số cổ phần do những người có liên quan nắm giữ:

| Họ và tên | Quan hệ với người khai | Số cổ phần nắm giữ |
|--------------|------------------------|--------------------|
| Chu Thị Hiền | Em gái | 8.070 CP |

Hành vi vi phạm pháp luật: Không
 Các khoản nợ đối với Công ty: Không
 Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

Ông Đỗ Văn Thái – Phó Tổng giám đốc

Họ và tên : **Đỗ Văn Thái**

Giới tính : Nam

Số CMTND : 171015509 Ngày cấp: 01/07/2009 Nơi cấp: CA Thanh Hóa

Ngày tháng năm sinh: 02/09/1961

Nơi sinh : Xã Minh Khôi - Huyện Nông Công - Tỉnh Thanh Hóa

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán : Xã Minh Khôi - Huyện Nông Công - Tỉnh Thanh Hóa

Địa chỉ thường trú: 183 Đường 5 Đông Phát - Đông Vệ – TP Thanh Hóa

Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 0912.316.827

Trình độ văn hoá: 10/10

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

| | |
|--------------------|--|
| ▪ 2/1982 - 5/1985 | Đi bộ đội |
| ▪ 6/1985 - 12/1989 | Làm việc tại Xí nghiệp sứ Nông Công – Thanh Hóa |
| ▪ 1/1990 - 2/1995 | Làm việc tại Trạm thú ý Nông Công - Thanh Hoá |
| ▪ 3/1995 - 9/2003 | Làm việc tại Công ty công nghệ phẩm Thanh Hóa |
| ▪ 10/2003 - 5/2004 | Làm việc tại CTY CP TM&DV Thanh Hoa |
| ▪ 6/2004 - 1/2009 | Làm việc tại CTY CP Thanh Hoa Sông Đà |
| ▪ 2/2009 -11/2013 | Giám đốc xí nghiệp TM&DV số 2 - Công ty Cổ phần Thanh Hoa - Sông Đà |
| ▪ 12/2013 – 9/2016 | Ủy viên HĐQT kiêm Giám đốc xí nghiệp TM&DV số 2 - Công ty Cổ phần Thanh Hoa - Sông Đà |
| ▪ 10/2016 đến nay | Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc xí nghiệp TM&DV số 2 - Công ty Cổ phần Thanh Hoa - Sông Đà |

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc xí nghiệp TM&DV số 2 - Công ty Cổ phần Thanh Hoa - Sông Đà

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: không

Số cổ phần nắm giữ: 122.100 cổ phần

Số cổ phần do những người có liên quan nắm giữ:

| STT | Họ và tên | Quan hệ với người khai | Số cổ phần nắm giữ |
|-----|--------------|------------------------|--------------------|
| 1 | Lê Thị Lương | Vợ | 2.530 |

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

Bà Vũ Thị Lý - Kế toán trưởng

Họ và tên: **Vũ Thị Lý**

Giới tính: Nữ

Số CMTND: 171409130 Ngày cấp: 13/10/1999 Nơi cấp: CA Thanh Hóa

Ngày tháng năm sinh: 30/09/1983

Nơi sinh: Xã Vạn Thắng - Huyện Nông Công - Tỉnh Thanh Hóa

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Xã Vạn Thắng - Huyện Nông Công - Tỉnh Thanh Hóa

Địa chỉ thường trú: SN 22/19 Ngõ 28 Phố Ngô Từ - P.Lam Sơn - TP Thanh Hóa

Số điện thoại liên lạc: 0984.034.443/0373.724.892

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

| | |
|--------------------|--|
| 03/2006 - 03/2008 | Kế toán Công ty CP Thanh Hoa - Sông Đà |
| 03/2008 - 05/2009 | Phó phòng kế toán Công ty CP Thanh Hoa - Sông Đà |
| 06/2009 - 07/2011 | Trưởng phòng kế toán Cty CP Thanh Hoa - Sông Đà |
| Từ 08/2011 đến nay | Kế toán trưởng Công ty CP Thanh Hoa - Sông Đà |

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Kế toán trưởng Công ty CP Thanh Hoa - Sông Đà

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: không

Số cổ phần nắm giữ: 30.000 cổ phần

Số cổ phần do những người có liên quan nắm giữ: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

- **Thay đổi trong ban điều hành: Không**
- **Số lượng cán bộ, nhân viên. Các chính sách đối với người lao động**

Tính đến ngày 31/12/2018, toàn Công ty có 75 lao động.

Cơ cấu lao động tại ngày 31/12/2018

| TIÊU CHÍ | SỐ LƯỢNG (người) | TỶ LỆ (%) |
|--------------------------------|------------------|-----------|
| Loại hợp đồng lao động (HĐLĐ) | 75 | 100% |
| - HĐLĐ không xác định thời hạn | 61 | 81% |
| - HĐLĐ ngắn hạn (1-3 năm) | 14 | 19% |
| Trình độ đào tạo | 75 | 100% |
| - Đại học và trên đại học | 38 | 51% |
| - Trung cấp + Cao đẳng | 23 | 30% |
| - Sơ cấp | 14 | 19% |
| - Công nhân | 0 | 0% |

Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp cho người lao động

Công tác đào tạo: Công ty coi trọng công tác đào tạo lại, đào tạo chuyên sâu, đào tạo đón đầu để nâng cao năng suất, chất lượng lao động, Trước mắt, Công ty sẽ tập trung đào tạo về chuyên môn và tăng cường bổ sung kiến thức quản trị đối với đội ngũ cán bộ trẻ tại phòng ban và các đơn vị trực thuộc đáp ứng theo yêu cầu trong nhiệm vụ mới.

Công tác tuyển dụng: Trong năm Công ty đặt ra chỉ tiêu xem xét lại số lao động dôi dư, đồng thời tuyển dụng thêm một số lao động thực sự có năng lực chuyên môn, đặc biệt là cán bộ kinh doanh và quản lý.

Về công tác xây dựng và áp dụng hệ thống định mức lao động: Thực hiện Quy chế trả lương theo năng suất đã ban hành, áp dụng đồng bộ phương thức bán hàng theo đơn đặt hàng và trả lương theo đơn giá tiền lương, đảm bảo tính tiên tiến, góp phần nâng cao năng suất lao động, tiết kiệm chi phí.

Về thực hiện chế độ, chính sách:

- Hệ thống quy chế lương, thưởng của Công ty phù hợp theo hướng gắn liền tiền lương, thu nhập của người lao động với chất lượng lao động và hiệu quả công tác, coi trọng lao động có trình độ chuyên môn và tính kỷ luật cao.

- Tiếp tục sắp xếp lại lao động phù hợp với trình độ chuyên môn, xây dựng chế độ khuyến khích đối với người lao động có trình độ chuyên môn cao, hoàn thiện cơ chế

trả lương hợp lý, thật sự khuyến khích người lao động làm việc có hiệu quả, tăng cường công tác đào tạo lại đồng thời xử lý nghiêm theo quy định của Pháp luật và các Quy định của Công ty đối với những lao động yếu kém, vô kỷ luật.

- Duy trì chế độ phúc lợi, đảm bảo đời sống tinh thần và vật chất cho người lao động thông qua các hoạt động văn hoá xã hội, chính sách chăm sóc người lao động ốm đau, tai nạn,... chính sách với những người lao động đã nghỉ hưu, mất sức lao động, với con em người lao động đã và đang làm việc với Công ty, tổ chức thăm quan nghỉ mát hàng năm. Tổ chức Công đoàn đại diện cho người lao động ký thoả ước lao động tập thể với Công ty để đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho người lao động.

- Mục tiêu của Công ty sẽ cố gắng tạo dựng được môi trường làm việc tốt nhất để người lao động có đầy đủ điều kiện phấn đấu phát triển cùng sự phát triển của Công ty, duy trì văn hoá doanh nghiệp lành mạnh.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

- Trong năm đã thực hiện chuyển nhượng Dự án Bắc Cầu Hạc theo NQ ĐHĐCĐ thu hồi vốn

- Đầu tư thêm 3 xe ô tô tải cho XN6, XN1, XN2

- Hoàn thành việc đăng ký sở hữu tài sản trên đất khu 301 Trần Phú

- Tiến hành các công tác chuẩn bị xây dựng thêm 01 nhà kho tại Khu công nghiệp Tây Bắc Ga phục vụ nhu cầu mở rộng quy mô mở rộng hoạt động kinh doanh của Công ty.

- Tổng số tiền đầu tư trong năm 2018: 1.701 triệu đồng

4. Tình hình tài chính

4.1. Tình hình tài chính

| T T | Chỉ tiêu | ĐVT | Năm 2017 | Năm 2018 | % tăng giảm (Tăng +, giảm -) |
|--------|-----------------------------------|--------|-------------|-------------|---------------------------------|
| 1 | Tổng giá trị tài sản | 1.000đ | 83.942.107 | 85.362.875 | +1.420.768 |
| 2 | Doanh thu thuần | 1.000đ | 271.521.714 | 280.946.351 | +9.424.637 |
| 3 | Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | 1.000đ | 3.177.829 | 6.935.231 | +3.757.402 |
| 4 | Lợi nhuận khác | 1.000đ | 222.983 | 1.889.820 | +1.666.837 |
| 5 | Lợi nhuận trước thuế | 1.000đ | 3.400.812 | 8.825.051 | +5.424.239 |
| 6 | Lợi nhuận sau thuế | 1.000đ | 2.719.438 | 7.017.541 | +4.298.103 |
| 7 | Tỷ lệ chi trả cổ tức | % | 8 | 20 | +12 |

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

| TT | Chỉ tiêu | ĐVT | Năm 2017 | Năm 2018 |
|----|---|------|----------|----------|
| 1 | <i>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i> | | | |
| | - Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSLĐ/Nợ ngắn hạn) | lần | 1,17 | 1,35 |
| | - Hệ số thanh toán nhanh (TSNH-Hàng TK)/Nợ NH | lần | 0,52 | 0,54 |
| 2 | <i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i> | | | |
| | - Hệ số nợ / Tổng tài sản | lần | 0,57 | 0,52 |
| | - Hệ số nợ / Vốn chủ sở hữu | lần | 1,31 | 1,08 |
| 3 | <i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i> | | | |
| | - Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán / Hàng tồn kho bq) | Vòng | 11,1 | 8,4 |
| | - Doanh thu thuần / Tổng TS | lần | 3,2 | 3,3 |
| 4 | <i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i> | | | |
| | - Hệ số lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần | lần | 0,010 | 0,025 |
| | - Hệ số lợi nhuận sau thuế / Vốn Chủ sở hữu | lần | 0,075 | 0,171 |
| | - Hệ số lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản | lần | 0,032 | 0,082 |
| | - Hệ số lợi nhuận trước thuế/ Doanh thu thuần | lần | 0,013 | 0,031 |

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần

Tổng số cổ phần : 3.000.000 CP

Bao gồm:

- Cổ phiếu quỹ : 300.000 CP

- Cổ phiếu hiện đang lưu hành : 2.700.000 CP

Trong đó:

+ Cổ phần chuyển nhượng tự do : 2.392.630 CP

+ Cổ phần hạn chế chuyển nhượng : 307.370 CP

b) Cơ cấu cổ đông tại ngày 31/12/2018

| Danh mục | Cổ đông trong nước | | | Cổ đông nước ngoài | | |
|---|--------------------|----------------------|-----------|--------------------|---------|-----------|
| | Số lượng cổ phiếu | Giá trị (nghìn đồng) | Tỷ lệ (%) | SL CP | Giá trị | Tỷ lệ (%) |
| Tổng số vốn thực góp: | 2.997.000 | 29.970.000 | 99,89% | 3.000 | 30.000 | 0,11% |
| 1. Cổ đông Nhà nước: | 0 | 0 | 0% | | | |
| 2. Cổ đông nội bộ: (Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng, Người được ủy quyền CBTT và người có liên quan) | 1.313.270 | 13.132.700 | 43,77% | | | |
| 3. Cổ đông trong công ty: | 780.889 | 7.808.890 | 26,03% | | | |
| - Cổ phiếu quỹ | 300.000 | 3.000.000 | 10,00% | | | |
| - Cán bộ công nhân viên | 480.889 | 4.651.690 | 16,03% | | | |
| 4. Cổ đông ngoài công ty: | 902.841 | 9.028.410 | 30,09% | 3.000 | 30.000 | 0,11% |
| - Cá nhân | 902.735 | 9.027.350 | 30,09% | 900 | 9.000 | 0,03% |
| - Tổ chức | 106 | 1.060 | 0,00% | 2.100 | 21.000 | 0,08% |

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: *Không có*

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: *Không có*

e) Các chứng khoán khác: *Không có*

III. Báo cáo và đánh giá của Ban giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Năm 2018 trong điều kiện kinh doanh khó khăn, toàn công ty đã có nhiều nỗ lực, phấn đấu cơ bản hoàn thành kế hoạch kinh doanh năm. Một số chỉ tiêu quan trọng như: Lợi nhuận, thu nhập, nộp ngân sách đã đạt và vượt mức kế hoạch đề ra.

Kết quả thực hiện nhiệm vụ SXKD năm 2018

| TT | Chỉ tiêu | Ước thực hiện (triệu đ) | TL hoàn thành KH năm | So cùng kỳ năm trước |
|----|------------------------|-------------------------|----------------------|----------------------|
| 1 | Tổng giá trị SXKD | 313.035 | 98 | 104 |
| 2 | Doanh thu | 284.578 | 98 | 104 |
| 3 | Lợi nhuận trước thuế | 9.045 | 323 | 266 |
| 4 | Nộp ngân sách | 5.936 | 198 | 173 |
| 5 | Thu nhập Bình quân | 9,2 | | |
| 6 | Cổ tức dự kiến (%/năm) | 20 | 250 | 250 |

- Điểm nổi bật trong năm là việc phát triển thành công một số mặt hàng mới: Nagakawa của XN3, trần thạch cao, nhựa Duy Tân của XN2, tivi KONKA của XN6 bước đầu có tín hiệu tốt. Các mặt hàng mới này đóng góp đáng kể vào quy mô doanh thu và hiệu quả kinh doanh cho các đơn vị. Đặc biệt là việc phát triển mặt hàng mới ở XN2 gắn liền với việc đổi mới bộ máy kinh doanh của XN

- XN3 là đơn vị hoàn thành xuất sắc toàn diện tất cả các chỉ tiêu KH SXKD, XN vừa phát triển thêm được mặt hàng mới, vừa đồng thời lấy lại thị trường mặt hàng bóng đèn phích nước Rạng Đông. XN đã đóng góp cho Công ty 661 tr.đ Lợi nhuận, thu nhập CBCNV bình quân đạt 11,5 tr.đ/ng/năm, quỹ thưởng năng suất của XN còn dư tại 31/12/2018 là 351 tr.đ.

- XN6 doanh thu giảm sút, nhưng đã làm tốt công tác quản trị nên XN đảm bảo hoàn thành chỉ tiêu Lợi nhuận (343 tr.đ) và thu nhập người lao động (8,7 tr.đ/ng/th).

- XN2 sau 9 tháng đầu năm trì trệ, khó khăn, từ quý 4 XN đã làm tốt công tác phát triển mặt hàng mới gắn liền với việc đổi mới bộ máy kinh doanh của XN, giúp XN có sự tăng trưởng tốt về doanh thu và cơ bản đảm bảo được thu nhập cho người lao động.

- XN1 trong 6 tháng đầu năm có tín hiệu tốt. 6 tháng cuối năm do chính sách bán hàng của nhựa ĐĐT và sứ Hải Dương không thể cạnh tranh với các mặt hàng khác cùng chủng loại dẫn đến việc XN gặp nhiều khó khăn trong công tác kinh doanh và khả năng cân đối tài chính.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

| Chỉ tiêu | ĐVT | 31/12/2017 | 31/12/2018 | Biến động |
|--------------------|--------|------------|------------|-------------|
| Tổng tài sản | 1.000đ | 83.942.107 | 85.362.875 | +1.420.768 |
| - Tài sản ngắn hạn | 1.000đ | 44.915.720 | 60.155.853 | +15.240.133 |
| - Tài sản dài hạn | 1.000đ | 39.026.387 | 25.207.022 | -13.819.365 |

- Tài sản ngắn hạn tăng 15.240 triệu đ chủ yếu do tăng giá trị hàng tồn kho, thuế

GTGT được khấu trừ và khoản trả trước cho người bán. Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh thương mại các mặt hàng tiêu dùng thiết yếu, nên cuối tháng 12 là thời điểm Công ty thường đặt trước tiền cho các nhà phân phối, bán ra nhiều hơn do nhu cầu thị trường tăng cao và tích trữ hàng hóa trong kho để đẩy hàng bán ra dịp Tết Nguyên Đán. Do đó do số tiền đặt hàng các nhà phân phối, công nợ phải thu khách hàng và giá trị hàng tồn kho đều tăng, từ đó làm tăng tổng giá trị tài sản ngắn hạn.

- Tài sản dài hạn giảm 13.819 triệu đồng chủ yếu là do việc chuyển nhượng Dự án Bắc Cầu Hạc theo NQ ĐHĐCĐ (giá trị bất động sản đầu tư giảm: 11.565 tr.đ) và giá trị khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư phát sinh trong năm: 2.076 tr.đ.

- Để đảm bảo an toàn vốn, Công ty đã tổ chức đánh giá tuổi nợ của tất cả các khoản công nợ phải thu, một số khoản hàng tồn kho chậm bán do lỗi một, thẩm định lại mức trích lập dự phòng công nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Tại thời điểm 31/12/2018 mức trích lập dự phòng công nợ phải thu khó đòi là: 1.042 triệu đồng, mức trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho là: 247 triệu đồng.

b) Tình hình nợ phải trả

| Chỉ tiêu | ĐVT | 31/12/2017 | 31/12/2018 | Biến động |
|-----------------|------------|-------------------|-------------------|------------------|
| Nợ phải trả | 1.000đ | 47.596.294 | 44.418.960 | -3.177.334 |
| - Nợ ngắn hạn | 1.000đ | 38.521.294 | 44.418.960 | +5.897.666 |
| - Nợ dài hạn | 1.000đ | 9.075.000 | 0 | -9.075.000 |

- Nợ ngắn hạn tăng 5.897 triệu đồng chủ yếu do phát sinh giảm khoản vay ngân hàng và tăng dư nợ các nhà phân phối phục vụ cho nhu cầu chuyển tiền mua hàng dự trữ tại thời điểm cuối năm.

- Nợ dài hạn giảm 9.075 triệu đồng là phần doanh thu chưa thực hiện của Hợp đồng cho thuê showroom Bắc Cầu Hạc đã thanh lý từ T4/2018 để chuyển nhượng bất động sản đầu tư.

Hiện Công ty không có nợ phải trả xấu

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

3.1. Công tác quản lý

Các thành tích nổi bật trong năm:

- Thực hiện nghiêm túc công tác thanh quyết toán tháng, quý, năm.
- Quan tâm sâu sát công tác quản lý hàng hóa và công nợ, xử lý theo quy định đối với hàng hóa chậm bán, và các các khoản công nợ tồn đọng khó đòi.
- Thắng kiện tại tòa phúc thẩm vụ kiện Công ty Toàn Thắng nợ tiền hàng.

- Công tác điều hành: Bám sát chỉ đạo công tác kinh doanh và công tác quản lý trong toàn công ty, quan tâm công tác phát triển mặt hàng mới, công tác thu hồi các khoản công nợ khó đòi, tồn đọng, đặc biệt quan tâm hỗ trợ XN1, XN2.

3.2. Công tác tổ chức

- Tuyển dụng nhân sự bổ sung cho các đơn vị, hỗ trợ XN2 tổ chức hoạt động Tổ kinh doanh

- Triển khai áp dụng hệ thống thang bảng lương mới từ T1/2018, xây dựng Quy chế trả thưởng năng suất gắn liền với hiệu quả kinh doanh và áp dụng từ T7/2018

- Làm tốt công tác PCCC, PCBL và đảm bảo an ninh an toàn trong Công ty.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

4.1. Nhận định tình hình

- Khó khăn:

Chiến tranh thương mại giữa các nước lớn có ảnh hưởng toàn cục nền kinh tế. Trong nước, thị trường cạnh tranh ngày càng tinh vi, khốc liệt, tỷ lệ lãi gộp bán hàng ngày càng giảm. Các hệ thống bán lẻ, các siêu thị chuyên ngành và hoạt động bán hàng online phát triển mạnh mẽ ảnh hưởng không nhỏ tới tình hình tiêu thụ của hệ thống khách hàng truyền thống của Công ty. Thời tiết dự báo diễn biến khó lường do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu ảnh hưởng nhiều đến hoạt động kinh doanh của công ty.

- Thuận lợi:

Năm 2019 nền kinh tế đất nước tiếp tục ổn định và phát triển, chuyển mình bước vào kỷ nguyên của Thời kỳ công nghệ 4.0. Chính phủ có nhiều chính sách thuận lợi hỗ trợ doanh nghiệp phát triển. Cải cách hành chính được triển khai sâu rộng. Công ty đã có bước trưởng thành trong hoạt động SXKD. Vị thế thương hiệu công ty trên thị trường ngày càng được nâng cao. Tài chính công ty ổn định. Công tác đầu tư kho tàng và phương tiện vận tải kịp thời phục vụ cho nhu cầu phát triển kinh doanh toàn Công ty. Đội ngũ cán bộ lãnh đạo có bề dày kinh nghiệm, lực lượng lao động trẻ có trình độ ngày càng đông, toàn thể CBCNV có tinh thần đoàn kết, nhất trí trong thực hiện nhiệm vụ được giao. Công ty đã phát triển thêm được những mặt hàng chủ lực mang lại hiệu quả và quy mô doanh thu cao cho Công ty.

4.2. Phương hướng cơ bản năm 2019

- Ưu tiên tạo điều kiện phát triển nhóm hàng mới khai thác đang có điều kiện mở rộng thị trường doanh thu và hiệu quả; tiếp tục tập trung các nguồn lực để phát triển các mặt hàng đang có thế mạnh cạnh tranh, tăng trưởng khá; chú trọng củng cố các mặt hàng truyền thống đang có hiệu quả; quan tâm phát triển mặt hàng mới; phát

triển bền vững.

- Tiếp tục hoàn thiện cơ chế quản lý nội bộ, đáp ứng yêu cầu quản trị doanh nghiệp, thúc đẩy kinh doanh. Tăng cường công tác quản lý bán hàng và công nợ.

- Đảm bảo cổ tức cho cổ đông, nâng cao đời sống cán bộ CNV

4.3. Một số chỉ tiêu kinh tế

| TT | Chỉ tiêu | ĐVT | Dự kiến KH năm 2019 | Tốc độ tăng trưởng (%) |
|----|----------------|----------------|---------------------|------------------------|
| 1 | Tổng GT SXKD | Tr.đ | 308.000 | 98 |
| 2 | Doanh thu | Tr.đ | 280.000 | 98 |
| 3 | Lợi nhuận TT | Tr.đ | 3.200 | 36 |
| 4 | Cổ tức đề nghị | %/năm | 8 | 40 |
| 5 | Nộp ngân sách | Tr.đ | 3.000 | 50 |
| 6 | Thu nhập b/q | Tr.đ/ng/t h | 8,7 | 95 |

4.4. Công tác kinh doanh

- XN1 hiện đang là đơn vị gặp nhiều khó khăn trong công tác thị trường và khả năng cân đối tài chính, phần lớn những mặt hàng hiện tại của XN như nhôm, sứ đã lỗi mốt so với thị trường. Do vậy phải xem xét toàn diện việc phát triển mặt hàng mới để XN có thể đổi mới cơ cấu mặt hàng. Trước mắt XN cần phát triển thêm ít nhất 2 mặt hàng mới, cùng với ổn định tổ chức nhân sự và các giải pháp đồng bộ về công tác thị trường, công tác quản trị ... giúp đơn vị ổn định và phát triển.

- XN2 tiếp đà tăng trưởng từ Quý 4/2018, tích cực phát triển thị trường mặt hàng nội thất, mở rộng thêm thị trường các mặt hàng mới khai thác thạch cao, nhựa, sơn, tiếp tục khai thác thêm nhóm hàng liên quan ngành hàng vật liệu xây dựng, xem đây là nhóm hàng tiềm năng XN cần hướng tới trong thời gian tới. Đổi mới công tác quản trị doanh nghiệp. Tạo điều kiện cho hoạt động của Ban kinh doanh XN, giúp cho XN thay đổi phương thức lề lối kinh doanh năng động và hiệu quả hơn.

- XN3 duy trì tốc độ tăng trưởng của các mặt hàng truyền thống: quạt điện, Rạng Đông, Sông Hồng, Nagakawa. Tranh thủ các cơ hội khai thác mặt hàng mới giúp XN không ngừng phát triển về quy mô doanh thu và hiệu quả. Phát huy tinh thần chủ động, linh hoạt trong chỉ đạo kinh doanh của lãnh đạo XN và năng lực của đội ngũ thị trường.

- XN6 tiếp tục phát triển mở rộng quy mô 2 mặt hàng lớn Aqua và Funiki, tập trung mở rộng thị trường mặt hàng mới tivi KONKA. Thông qua phương thức đối hàng với các nhà phân phối lớn để khai thác doanh thu các mặt hàng điện tử

thương hiệu lớn. Xem xét triển khai mặt hàng máy làm mát, tiếp tục tìm kiếm phát triển thêm mặt hàng mới cùng nhóm có thương hiệu. Triển khai đồng bộ tất cả các tuyến huyện trong tỉnh, chờ thời điểm phù hợp để mở tuyến ra ngoài tỉnh.

- Tập trung phát triển mặt hàng mới gắn liền với đổi mới cơ cấu tổ chức và đảm bảo thận trọng, an toàn.

- Các đơn vị chú trọng công tác thị trường, tiếp thị và quảng cáo, quan hệ tốt với đại lý, khách hàng thông qua đội ngũ kinh doanh của Công ty và cán bộ tiếp thị của các hãng. Quan hệ tốt với các nhà cung cấp nhằm tranh thủ tối đa các chính sách hỗ trợ của nhà sản xuất

- Nghiên cứu phương án khai thác sử dụng tòa nhà Tây Bắc Ga và phân diện tích còn trống tại 25 Lê Lợi.

- Đổi mới công nghệ kinh doanh, triển khai phương thức kinh doanh thương mại điện tử bằng các hình thức thuê các gian hàng điện tử, lập website hoặc fanpage... Trước mắt áp dụng tại XN6 và XN2, 6 tháng cuối năm sẽ tổng kết và nhân rộng tới các XN còn lại. Chậm nhất đến đầu năm 2020 sẽ tổ chức thực hiện trong toàn Công ty.

4.5. Công tác quản lý

- Tập trung chấn chỉnh công tác quản lý hóa đơn chứng từ bán hàng và quản lý công nợ phải thu, một mặt vừa phải đảm bảo nguyên tắc chế độ, phản ánh đúng nghiệp vụ kinh tế phát sinh, đồng thời không gây trở ngại cho công tác kinh doanh, phù hợp với tình hình thực tế hiện nay.

- Quan tâm công tác mua hàng, luân chuyển hàng hóa và dự trữ tồn kho, kịp thời xử lý hàng hóa tồn đọng theo quy định.

- Tiếp tục hoàn thiện các quy chế quản lý nội bộ cập nhật kịp thời các quy định pháp luật, đồng thời hướng tới sự phù hợp tốt hơn với các điều kiện kinh doanh của Công ty, trước tiên là hoàn thiện quy chế quản lý bán hàng và công nợ phải thu.

- Tăng cường chế độ trách nhiệm trong công tác thanh quyết toán hàng tháng, quý, kịp thời phát hiện những sai sót để chấn chỉnh.

4.6. Công tác tổ chức:

- Rà soát đánh giá hiệu quả thực hiện Quy chế tiền lương và tiền thưởng năng suất trong toàn công ty, kịp thời sửa đổi bổ sung hoàn thiện để chính sách tiền lương – tiền thưởng của Công ty thực sự trở thành đòn bẩy thúc đẩy kinh doanh.

- Sắp xếp lao động, tuyển dụng đào tạo lao động trẻ kịp thời đáp ứng nhu cầu mở rộng quy mô kinh doanh của Công ty. Tiếp tục quan tâm xây dựng đội ngũ kinh doanh đủ mạnh, nhất là tại các đơn vị XN1, XN2.

- Sắp xếp văn phòng làm việc các XN vào khu tập trung để tận dụng khai thác tối đa diện tích kho chứa hàng

- Chăm lo đời sống CBCNV, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần, phấn đấu thu nhập bình quân đạt 8,7 triệu đ/ng/th
- Làm tốt các công tác phòng chống bão lụt, PCCC...

4.7. Công tác đầu tư

- Hoàn thành xây dựng nhà kho Tây Bắc Ga đưa vào sử dụng từ Q2/2019.
- Xem xét mua thêm xe ô tô tải, máy móc thiết bị phục vụ nhu cầu mở rộng quy mô kinh doanh của các đơn vị.

4.8. Công tác điều hành

- Bám sát các đơn vị để chỉ đạo, điều hành hoạt động kinh doanh linh hoạt, phù hợp với thị trường.
- Tích cực hỗ trợ XN1 khắc phục khó khăn, tìm kiếm mặt hàng mới, cơ cấu đổi mới hoạt động kinh doanh để sớm ổn định và phát triển
- Chỉ đạo quyết liệt công tác quản lý hàng tồn kho và công nợ các đơn vị.

5. Giải trình của Tổng giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

Ý kiến kiểm toán tại báo cáo tài chính năm 2018 là ý kiến chấp thuận toàn phần

IV. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của công ty

1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty

Năm 2018 là năm toàn Công ty hoàn thành kế hoạch toàn diện và xuất sắc, là năm đã có bước ngoặt trong chính sách thu nhập của Công ty đem lại hiệu quả tích cực, là năm công tác thị trường có bước phát triển đã triển khai thêm một số mặt hàng mới đem lại hiệu quả thiết thực. Trong bối cảnh thị trường cạnh tranh quyết liệt và thời tiết bất lợi cho kinh doanh, đạt được kết quả như trên là rất đáng khích lệ. Kết quả cụ thể như sau:

1.1. Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ SXKD năm trừ chỉ tiêu doanh thu chỉ đạt 284,3 tỷ đồng, bằng 98% kế hoạch, các chỉ tiêu chủ yếu còn lại đều vượt kế hoạch năm và tăng trưởng khá so với năm trước. Cụ thể:

- Lợi nhuận trước thuế đạt: 8,8 tỷ đ, = 315 %KH, tăng trưởng 260 %
- Nộp ngân sách: 5,9 tỷ đ, = 198 %KH, tăng trưởng 173 %
- Thu nhập bình quân: 9,2 triệu đ/ng/th = 110 %KH, tăng trưởng 120%

1.2. Công tác phát triển thị trường.

Đã duy trì, củng cố được thị trường mặt hàng kinh doanh trong điều kiện cạnh tranh khốc liệt và thời tiết không ủng hộ.

Điểm nổi bật: đó là công tác phát triển mặt hàng mới. Trong năm đã phát triển mặt hàng quạt điều hòa và đồ điện Nagakawa đem lại hiệu quả thiết thực: đã xác lập được vị trí chắc chắn trên thị trường và đem lại hiệu quả kinh doanh từ mùa vụ

đầu tiên. Mặt hàng Trần Thạch cao đã nhập cuộc thị trường theo kế hoạch ban đầu và hứa hẹn sẽ là mặt hàng kinh doanh ổn định và có hiệu quả.

1.3. Tăng cường công tác quản lý tiền hàng, công nợ

- Xiết chặt kỷ luật ghi chép ban đầu, hóa đơn, chứng từ
- Tăng cường quản lý nhập hàng tồn kho, công nợ, hợp đồng kinh tế
- Trong năm không để phát sinh thêm trường hợp vụ việc đáng tiếc nào, công tác quản lý ngày càng nắm vững

1.4. Điều chỉnh mô hình kinh doanh phù hợp với yêu cầu của thị trường

- Đã làm tốt công tác tuyển dụng nhận sự, tăng cường nhân sự thị trường cho Xí nghiệp 6

- Đã điều chỉnh lại mô hình tổ chức kinh doanh của XN2 gắn liền với mở thêm mặt hàng mới, bổ sung nhận sự mới bước đầu đem lại hiệu quả.

1.5. Hoàn thiện chính sách thu nhập phù hợp với tình hình mới khuyến khích năng suất hiệu quả.

- Tiếp tục hoàn thiện chính sách tiền lương đáp ứng yêu cầu của pháp luật và thị trường.

- Trong năm đã ban hành chính sách tiền thưởng theo ngân sách. Đây là một chính sách lớn quan trọng của Công ty liên quan đến thu nhập hàng tháng của người lao động. Quy chế mới đã thể hiện được tiền thưởng gắn liền với kết quả SXKD, với vị trí việc làm và sự đóng góp của Người lao động vào kết quả chung của đơn vị.

1.6. Xử lý có kết quả, dứt điểm các tồn đọng trong quản lý đầu tư xây dựng

- Hoàn thành việc đăng ký tài sản khu nhà trên đất 301 Trần Phú
- Hoàn thành chuyển nhượng tài sản tại khu Bắc Cầu Hạc theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- Hoàn tất công tác chuẩn bị đầu tư kho số 2 tại khu Tây Bắc Ga của Công ty.

1.7. Khuyết điểm, tồn tại

- Doanh thu không hoàn thành kế hoạch năm
- Mặt hàng mới OSAKA do không đánh giá cân trọng sản phẩm - thị trường nên đã triển khai thất bại, ảnh hưởng đến XN1 trong thời gian tới.
- Thu nhập ở một vài đơn vị thấp, có sự phân cực ngày càng rõ rệt

2. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Ban giám đốc Công ty

Ban TGD Công ty đã bám sát vào nghị quyết của ĐHCĐ, HĐQT Công ty, đồng thời có sự linh hoạt trong điều hành. Mỗi tháng, mỗi quý đều có chương trình kế hoạch, công tác trọng tâm để tập trung chỉ đạo.

Đánh giá chung: ban TGD đã hoàn thành cơ bản nhiệm vụ điều hành công ty được giao.

3. Các kế hoạch, định hướng của HĐQT trong năm 2019

Năm 2019 tiếp tục là một năm nền kinh tế trên đà tăng trưởng và hội nhập. Sự cạnh tranh thị trường sẽ thêm quyết liệt giữa các doanh nghiệp.

Phương hướng chung:

- Thúc đẩy tăng trưởng các mặt hàng đang có lợi thế, chú trọng các mặt hàng mới khẳng định vị thế vững chắc trên thương trường.

- Tiếp tục đầu tư phát triển mặt hàng mới gắn liền với hoàn thiện mô hình kinh doanh đem lại hiệu quả bền vững. Đặc biệt quan tâm phát triển mặt hàng mới ở Xí nghiệp nhiều khó khăn.

- Nỗ lực để triển khai phương thức kinh doanh điện tử để thương mại điện tử nhanh chóng trở thành phương thức quan trọng để phát triển thị trường của Công ty

- Quan tâm công tác quản lý tiền hàng công nợ trong đó trọng tâm là hoàn thiện công tác hóa đơn, chứng từ, hợp đồng kinh tế và chính sách bán hàng thu tiền ngay.

3.1. Phát triển thị trường

Tiếp tục đẩy mạnh quy mô các mặt hàng hiện có bằng cách rà soát lại thị trường, đánh giá từng cặp sản phẩm - thị trường một cách khoa học để đầu tư một cách hợp lý.

Tập trung nhân lực, phương tiện để tập trung cho những mặt hàng mới gia nhập thị trường để nhanh chóng chiếm lĩnh thị trường và phát triển ổn định.

Trong năm quan tâm hỗ trợ Xí nghiệp 1 mở rộng mặt hàng kinh doanh gắn liền với đổi mới mô hình kinh doanh nhằm nâng cao qui mô và hiệu quả, sự bền vững của Xí nghiệp.

Về triển khai Thương mại điện tử

- Thương mại điện tử sẽ được triển khai theo các bước đi thích hợp. Phần đầu trong vòng 1-2 năm các Xí nghiệp đều vận hành tốt Thương mại điện tử và phương thức này sẽ đem lại tỉ phần doanh thu và hiệu quả ngày càng cao cho Công ty.

- Ngay trong tháng 4 phải hoàn thành các công tác chuẩn bị để chính thức đưa vào sử dụng ở Xí nghiệp 6 và Xí nghiệp 2. Cuối năm sẽ rút kinh nghiệm để mở rộng ra các Xí nghiệp còn lại.

- Việc triển khai Thương mại điện tử gắn liền với việc đưa công nghệ mới vào kinh doanh. Trong thời gian tới cũng sẽ đưa vào sử dụng các phần mềm quản lý bán hàng (*quản lý kho hàng*) đối với một số trường hợp cần thiết.

- Bộ máy Thương mại điện tử sẽ được tổ chức nâng cấp dần theo quy mô và trình độ đạt được trong kinh doanh.

3.2. Công tác quản lý tài chính, kế toán

- Tiếp tục chấn chỉnh công tác ghi chép ban đầu hóa đơn chứng từ theo quy định của pháp luật, đồng thời củng cố công tác Hợp đồng mua bán để đáp ứng yêu cầu quản lý.

- Công tác Hợp đồng kinh tế yêu cầu xem xét rà soát để hiệu chỉnh cho phù hợp các mẫu hợp đồng đang áp dụng hiện nay. Các quan hệ kinh tế ổn định chỉ cần ký Hợp đồng kinh tế nguyên tắc có hiệu lực trong nhiều năm song tại thời điểm cuối năm phải có đối chiếu xác nhận công nợ, hoặc thời hạn 01 năm nhưng mặc nhiên gia hạn nếu trước thời điểm Hợp đồng hết hiệu lực không bên nào tuyên bố (*thông báo*) chấm dứt Hợp đồng.

- Thực hành công tác tiết kiệm, chống lãng phí ở tất cả các khâu. Các khoản chi cho các hoạt động như thăm quan du lịch, hoạt động của tổ chức Đảng, Công đoàn, Thanh niên, Phụ nữ, chi cho các hoạt động từ thiện phải theo qui chế, qui định.

3.3. Công tác tổ chức, lao động, tiền lương

- Tiếp thu làm tốt công tác tuyển dụng lao động đáp ứng yêu cầu kinh doanh và quản lý đồng thời làm tốt hợp đồng thử việc để loại bỏ những nhân sự không đáp ứng đủ yêu cầu công việc.

- Trong năm 2019 quan tâm giúp các Xí nghiệp điều chỉnh, hệ số thưởng và định mức doanh thu (*công việc*) cho phù hợp với thực tế của đơn vị và vị trí việc làm. Đảm bảo cho Quy chế thưởng năng suất có hiệu quả thực chất, thúc đẩy lao động năng suất và hiệu quả trong toàn Công ty

- Có kế hoạch, chương trình thiết thực để nâng cao trình độ thương mại điện tử cho đội ngũ, đặc biệt là lao động trực tiếp kinh doanh.

- Tăng cường công tác đảm bảo trật tự an toàn, phòng chống cháy nổ, phòng chống bão lụt và vệ sinh môi trường.

3.4. Công tác đầu tư

- Tập trung đảm bảo tiến độ xây dựng và đưa vào sử dụng kho số 2 Tây Bắc Ga. (*kế hoạch tháng 6 đưa vào sử dụng*)

- Đầu tư theo tiến độ mở rộng kinh doanh: các phương tiện vận tải, các trang thiết bị: *xe nâng, máy vi tính, phần mềm quản lý.*

- Phân công điều hòa mặt bằng kinh doanh khác của công ty. Đưa nhà Văn phòng 2 tầng Tây Bắc Ga vào sử dụng làm văn phòng chung cho các xí nghiệp.

- Công tác đầu tư phải tiến hành một cách thận trọng xuất phát từ nhu cầu của kinh doanh, đảm bảo hiệu quả đầu tư.

V. Quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của HĐQT

| Họ tên | Chức vụ | Tỷ lệ sở hữu CP (%) | | TT về giao dịch CP | Ghi chú |
|------------------|---------|---------------------|----------|--------------------|------------|
| | | Năm 2017 | Năm 2018 | | |
| Trương Vạn Thành | CT HĐQT | 7.21 | 7.21 | | TV độc lập |
| Nguyễn Thanh Hải | TV HĐQT | 5.83 | 5.83 | | |
| Lê Văn Tường | TV HĐQT | 5.67 | 5.67 | | |
| Chu Thị Hoà | TV HĐQT | 5.47 | 5.47 | | |
| Đỗ Văn Thái | TV HĐQT | 4.07 | 4.07 | | |

Ông Trương Vạn Thành – Chủ tịch HĐQT công ty

Họ và tên: **Trương Vạn Thành**
Giới tính: Nam
Số CMTND: 172014819 Ngày cấp: 12/01/2001 Nơi cấp: CA TH
Ngày tháng năm sinh: 12/06/1955
Nơi sinh: Xã Hoàng Phụ - Huyện Hoàng Hóa - Tỉnh Thanh Hóa
Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Quê quán: Xã Hoàng Phụ - Huyện Hoàng Hóa - Tỉnh Thanh Hóa
Địa chỉ thường trú: 12/3 Phố Bến Ngự - P. Trường Thi – TP Thanh Hóa
Số điện thoại liên lạc: 0903452212
Trình độ văn hoá: 10/10
Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ khoa học kinh tế
Quá trình công tác:

| | | |
|---|-------------------------|---|
| ▪ | 12/1988 - 09/1991 | Giám đốc xí nghiệp sứ Nông Công Thanh Hoá |
| ▪ | 10/1991 - 09/1994 | Hiệu trưởng trường dạy nghề Thương mại và du lịch Thanh Hoá |
| ▪ | 10/1994 - 09/2003 | Giám đốc công ty công nghệ phẩm Thanh Hoá |
| ▪ | 10/2003 - 18/05/2004 | Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc Công ty TM&DV Thanh Hoá |

| | |
|--------------------------|---|
| ▪ 19/05/2004 - 07/2006 | Phó chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty CP Thanh Hoa - Sông Đà |
| ▪ 08/2006 - 30/05/2009 | Chủ tịch HĐQT Công ty CP Thanh Hoa - Sông Đà |
| ▪ 01/06/2009- 20/05/2013 | Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty CP Thanh Hoa - Sông Đà |
| ▪ Từ 21/05/2013 đến nay | Chủ tịch HĐQT Công ty CP Thanh Hoa - Sông Đà |

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Chủ tịch HĐQT CTCP Thanh Hoa - Sông Đà

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: không có

Số cổ phần nắm giữ: 216.300 cổ phần

Số cổ phần do những người có liên quan nắm giữ:

| Họ và tên | Quan hệ với người khai | Số cổ phần nắm giữ |
|------------------------|------------------------|--------------------|
| Nguyễn Thị Thanh | Vợ | 35.500 |
| Trương Thị Thanh Huyền | Con | 60.000 |

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

Ông Nguyễn Thanh Hải – Thành viên HĐQT (như mục II.2)

Ông Lê Văn Tường – Thành viên HĐQT (như mục II.2)

Bà Chu Thị Hòa – Thành viên HĐQT (như mục II.2)

Ông Đỗ Văn Thái – Thành viên HĐQT (như mục II.2)

b) Các tiểu ban thuộc HĐQT

Tiểu ban thuộc HĐQT: Ban tài chính – kế toán

- Ngay sau ĐHĐCĐ thường niên 2018, căn cứ Điều lệ và Quy chế quản trị mới của Công ty được ĐHĐCĐ thường niên 2018 thông qua, HĐQT đã kiện toàn lại bộ máy tiểu ban tài chính – kế toán trực thuộc HĐQT để đảm bảo hoạt động có hiệu quả và khách quan của tiểu ban, đảm bảo thực hiện tốt chức năng tư vấn và kiểm tra giám sát cho HĐQT. (Quyết định thành lập tiểu ban số 17/HĐQT-QĐ ngày 02/05/2018)

- Tiểu ban gồm 3 thành viên:

Ông Trương Vạn Thành - Chủ tịch HĐQT công ty

Bà Nguyễn Thị Hiền - Cổ đông công ty

Bà Lê Thị Thoa - Cổ đông công ty

- Chức năng và nhiệm vụ của Tiểu ban.

Ban kiểm toán nội bộ là bộ phận tham mưu giúp việc cho HĐQT Công ty, có chức năng và nhiệm vụ như sau:

+ Tổ chức kiểm tra, giám sát tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê, lập báo cáo tài chính và việc chấp hành Điều lệ, Nghị quyết, Quy định của HĐQT. Việc kiểm tra, giám sát định kỳ hoặc đột xuất được thực hiện theo kế hoạch và các văn bản chỉ đạo của HĐQT.

+ Thẩm tra báo cáo quyết toán hàng quý các đơn vị trực thuộc và toàn công ty; Thẩm tra báo cáo tài chính 6 tháng và báo cáo tài chính năm của Công ty trước thời điểm kiểm toán độc lập.

+ Báo cáo HĐQT định kỳ và theo vụ việc về kết quả công tác kiểm tra, thẩm tra, giám sát đã thực hiện.

+ Thực hiện các công việc khác do HĐQT giao.

c) Hoạt động của HĐQT

*** Tăng cường vai trò quản trị doanh nghiệp của Hội đồng quản trị**

Việc tăng cường vai trò quản trị Công ty của Công ty nhằm đảm bảo cho công ty luôn đi đúng hướng, vì lợi ích của cổ đông Công ty, phù hợp với Pháp luật và Điều lệ Công ty

Trên tinh thần đó HĐQT phải xác lập phương hướng đúng đắn, giải pháp phù hợp đồng thời luôn bám sát tình hình thực tế để có sự linh hoạt cần thiết trong các quyết sách lớn trong kinh doanh, quản lý

Phân công phân nhiệm phù hợp và đề cao trách nhiệm của các thành viên. Yêu cầu, đồng thời tạo điều kiện để các thành viên hoàn thành nhiệm vụ được HĐQT phân công.

Xây dựng và thực hiện nghiêm túc chương trình công tác hàng quý của HĐQT.

Đề cao tính cần trọng trong công việc đặc biệt trong các vấn đề lớn của Công ty như đầu tư, giải thể và thành lập đơn vị trực thuộc.

Làm tốt công tác chuẩn bị Nghị Quyết để nâng cao chất lượng nghị quyết được ban hành.

*** Làm tốt công tác giám sát của HĐQT đối với Ban TGD điều hành và cán bộ quản lý Công ty.**

- Chủ động, có kế hoạch trong công tác kiểm tra, giám sát của HĐQT, nắm bắt kịp thời tình hình kinh doanh, quản lý để có giải pháp xử lý kịp thời và hiệu quả.

- Chú trọng công tác thẩm định dự án, phương án, kế hoạch SXKD, đầu tư

*** Tăng cường công tác kiểm soát nội bộ công ty** đưa hoạt động kiểm soát nội bộ vào nền nếp, coi đây là giải pháp quan trọng để nâng cao chất lượng và hiệu quả quản lý công ty.

- Hoạt động theo đúng quy định của Điều lệ Công ty, quy chế quản trị Công ty, quy chế làm việc của HĐQT Công ty bám sát các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và đáp ứng yêu cầu của thực tiễn kinh doanh công ty.

- Các thành viên HĐQT hoạt động theo sự phân công của Chủ tịch HĐQT, thể hiện tinh thần trách nhiệm cao, cẩn trọng trong công tác, hoàn thành nhiệm vụ được giao.

- Toàn bộ hoạt động của HĐQT đã thể hiện đầy đủ vai trò đại diện của chủ sở hữu, đảm bảo cho Công ty khắc phục khó khăn vươn lên đạt được những kết quả như trên.

- HĐQT đã giám sát có hệ thống, thường xuyên đối với các hoạt động điều hành Công ty.

- HĐQT đã giám sát từ quá trình xây dựng kế hoạch SXKD, chương trình công tác của bộ máy điều hành. Thường xuyên nghe báo cáo và kiểm tra từ người điều hành và các cán bộ quản lý công ty, cũng như kiểm tra trên thực tế các hoạt động SXKD.

- HĐQT cũng thường xuyên góp ý trao đổi với bộ máy điều hành trong các vấn đề quan trọng đối nội cũng như đối ngoại của Công ty.

Đánh giá chung: Công tác giám sát, kiểm tra của HĐQT đối với bộ máy điều hành luôn là đảm bảo quan trọng cho hoạt động của Công ty đúng hướng, có hiệu quả, tuân thủ Nghị quyết của ĐHĐCĐ.

*** Về các cuộc họp và nghị quyết của HĐQT**

Duy trì tốt các cuộc họp thường kỳ hàng tháng, các cuộc họp đều được chuẩn bị kỹ nội dung, dự thảo Nghị quyết, tài liệu. Thảo luận dân chủ, tinh thần trách nhiệm cao.

Các cuộc họp thường kỳ đầu mỗi quý mở rộng thành phần tham dự. Ngoài Ban kiểm soát, HĐQT còn mời tham dự các đồng chí Trưởng các phòng ban, Giám đốc Xí nghiệp trực thuộc để nắm bắt kịp thời tình hình cũng như mở rộng nghị bàn, nâng cao chất lượng Nghị quyết ban hành.

Trong nhiệm kỳ: đã tổ chức 12 cuộc họp thường kỳ, 03 cuộc họp bất thường, ban hành 17 Nghị quyết, 12 quyết định

d) Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập

- Ông Trương Văn Thành – Chủ tịch HĐQT Công ty

e) Hoạt động của các tiểu ban trong HĐQT

Tiêu ban tài chính kế toán đã làm việc tích cực theo nhiệm vụ được phân công, giúp HĐQT nắm bắt được kịp thời tình hình, sớm có biện pháp khắc phục những sai sót.

f) Danh sách các thành viên HĐQT có chứng chỉ về đào tạo quản trị Công ty

Tất cả thành viên HĐQT đã có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty

2. Ban kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

*** Cơ cấu của Ban kiểm soát và sự thay đổi nhân sự:**

| Họ tên | Chức vụ | Tỷ lệ sở hữu CP (%) | | TT về giao dịch CP | Ghi chú |
|-------------------|------------|---------------------|----------|--------------------|------------|
| | | Năm 2017 | Năm 2018 | | |
| Dương Trọng Chính | Trưởng BKS | 0.87 | 0.87 | | TV độc lập |
| Cao Thị Hiền | TV BKS | 8.56 | 8.56 | | TV độc lập |
| Nguyễn Thị Lại | TV BKS | 0.67 | 0.67 | | TV độc lập |

*** Các thành viên Ban kiểm soát**

- Ông Dương Trọng Chính – Trưởng BKS

Họ và tên: **Dương Trọng Chính**
 Giới tính: Nam
 Số CMTND: 172023694 Ngày cấp: 30/10/2009 Nơi cấp: CA TH
 Ngày tháng năm sinh: 10/02/1960
 Nơi sinh: Xã Ba Đình – Huyện Nga Sơn - Tỉnh Thanh Hóa
 Quốc tịch: Việt Nam
 Dân tộc: Kinh
 Quê quán: Xã Ba Đình - Huyện Nga Sơn - Tỉnh Thanh Hóa
 Địa chỉ thường trú: Tổ 101 Xóm Cỏ Đam – P. Lam Sơn - Thị xã Bim Sơn - Thanh Hoá
 Số điện thoại liên lạc: 0983.125.696
 Trình độ văn hoá: 10/10
 Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế chuyên ngành kế toán tài chính.
 Quá trình công tác:

| | |
|---------------|---|
| ▪ 1980 - 1988 | Quân nhân chuyên nghiệp E923F372 không quân |
| ▪ 1989 - 2003 | Công tác tại Công ty công nghệ phẩm Thanh Hoá |
| ▪ 2004 - 2008 | Phó phòng kinh doanh Cty CP Thanh Hoa Sông Đà |

| | |
|----------------------|--|
| ▪ 2008 - 2009 | Phó giám đốc Công ty CP Bách hoá số 3 – Thanh Hoa Sông Đà |
| ▪ 2010 - 25/04/2012 | Phó giám đốc Xí nghiệp TM&DV số 3 – Công ty CP Thanh Hoa -Sông Đà |
| ▪ 26/04/2012 đến nay | Trưởng ban kiểm soát kiêm Phó giám đốc Xí nghiệp TM&DV số 3 – CTY CP Thanh Hoa Sông Đà |

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Trưởng Ban kiểm soát kiêm Phó Giám đốc Xí nghiệp TM&DV số 3 - Công ty CP Thanh Hoa Sông Đà

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: không

Số cổ phần nắm giữ: 26.070 cổ phần

Số cổ phần do những người có liên quan nắm giữ: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

- Bà Cao Thị Hiền – Thành viên Ban BKS

Họ và tên: **Cao Thị Hiền**

Giới tính: Nữ

Số CMTND: 172062202 Ngày cấp: 16/09/2003 Nơi cấp: CA TH

Ngày tháng năm sinh: 15/10/1982

Nơi sinh: Xã Hoằng Quang – Huyện Hoằng Hóa - Thanh Hóa

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Xã Hoằng Quang – Huyện Hoằng Hóa - Thanh Hóa

Địa chỉ thường trú: 5/183 Trần Bình Trọng - P.Quảng Hưng - TP T. Hoá

Số điện thoại liên lạc: 0373.852.175

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Trung cấp văn thư lưu trữ.

Quá trình công tác:

| | |
|---------------------|--|
| ▪ 09/2003 - 05/2004 | Làm việc tại Công ty CP TM&DV Thanh Hoa |
| ▪ 06/2004 - 05/2013 | Nhân viên Phòng Hành chính Cty CP Thanh Hoa Sông Đà |
| ▪ 06/2013 – 05/2014 | Phó Phòng Hành chính Cty CP Thanh Hoa Sông Đà |
| ▪ 06/2014 đến nay | Ủy viên Ban kiểm soát kiêm Phó Phòng Hành chính Cty CP Thanh Hoa Sông Đà |

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Ủy viên BKS, Phó Phòng Hành chính
 Cty CP Thanh Hoa Sông Đà
 Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: không
 Số cổ phần nắm giữ: 256.700 cổ phần
 Số cổ phần do những người có liên quan nắm giữ: Không
 Hành vi vi phạm pháp luật: Không
 Các khoản nợ đối với Công ty: Không
 Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

- Bà Nguyễn Thị Lài – Thành viên BKS

Họ và tên: **Nguyễn Thị Lài**
 Giới tính: Nữ
 Số CMTND: 171893461 Ngày cấp: 18/05/2007 Nơi cấp: CA TH
 Ngày tháng năm sinh: 02/09/1969
 Nơi sinh: Xã Nga Bạch – Huyện Nga Sơn - Tỉnh Thanh Hóa
 Quốc tịch: Việt Nam
 Dân tộc: Kinh
 Quê quán: Xã Nga Bạch – Huyện Nga Sơn - Tỉnh Thanh Hóa
 Địa chỉ thường trú: 156 Đội Cung – P. Trường Thi - TP Thanh Hoá
 Số điện thoại liên lạc: 0373.852.212
 Trình độ văn hoá: 10/10
 Trình độ chuyên môn: Trung cấp kế toán
 Quá trình công tác:

| | |
|---------------------|--|
| ▪ 01/1991 - 06/2000 | Làm việc tại Công ty công nghệ phẩm Thanh Hóa |
| ▪ 07/2000 - 12/2009 | Làm việc tại Công ty CP Bách hóa số 3 - Thanh Hoa Sông Đà |
| ▪ 01/2010 - 05/2014 | Trưởng ban kế toán tại Xí nghiệp 3 - Cty CP Thanh Hoa Sông Đà |
| ▪ 06/2014 - 05/2014 | Ủy viên Ban kiểm soát kiêm Trưởng ban kế toán tại Xí nghiệp 3 - Cty CP Thanh Hoa Sông Đà |

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Ủy viên BKS, Trưởng ban kế toán
 XN3 - Cty CP Thanh Hoa Sông Đà
 Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: không
 Số cổ phần nắm giữ: 20.000 cổ phần
 Số cổ phần do những người có liên quan nắm giữ: Không
 Hành vi vi phạm pháp luật: Không
 Các khoản nợ đối với Công ty: Không
 Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

b) Hoạt động của Ban kiểm soát

- Trong năm 2018 ban Kiểm soát đã tổ chức cuộc họp định kỳ và tham dự tất cả các cuộc họp Hội đồng Quản trị Công ty, nhằm duy trì việc kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, đóng góp ý kiến trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn.

- Khi được xin ý kiến, các thành viên BKS đã gửi ý kiến về HĐQT Công ty đầy đủ.

- Tiến hành các hoạt động kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và công ty trong việc quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của HĐQT, ban Tổng giám đốc Công ty năm 2018 cụ thể:

- Xem xét pháp lý, trình tự, thủ tục ban hành các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng Quản trị, ban Tổng Giám đốc trong năm 2018 theo các quy định của pháp luật và của Công ty.

- Thẩm định báo cáo Tài chính các quý, cũng như năm của Công ty, nhằm đánh giá trung thực và hợp lý của các số liệu tài chính, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán và chính sách tài chính hiện hành của Việt Nam..

*** Tổng kết các cuộc họp của BKS:**

Trong năm ngoài việc tham gia các cuộc họp thường niên của HĐQT Ban kiểm soát đã tổ chức họp theo định kỳ mỗi quý một lần.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích của HĐQT, Ban giám đốc và Ban kiểm soát năm 2018

Đơn vị tính: triệu đồng

| Họ tên | Chức vụ | Lương | Thù lao | Thưởng | Cộng | Ghi chú |
|------------------|-----------------|--------------|----------------|---------------|-------------|----------------|
| Trương Vạn Thành | Chủ tịch HĐQT | 360 | | 60 | 420 | TV độc lập |
| Nguyễn Thanh Hải | UV HĐQT, TGD | 283 | 96 | 16 | 395 | |
| Lê Văn Tường | UV HĐQT, P. TGD | 235 | 96 | 16 | 347 | |
| Chu Thị Hòa | UV HĐQT, P. TGD | 218 | 96 | 16 | 330 | |
| Đỗ Văn Thái | UV HĐQT, P. TGD | 136 | 96 | 16 | 248 | |

| | | | | | | |
|-------------------|------------|--------------|------------|------------|--------------|------------|
| Dương Trọng Chính | Trưởng BKS | | 60 | 10 | 70 | TV độc lập |
| Cao Thị Hiền | TV BKS | | 36 | 6 | 42 | TV độc lập |
| Nguyễn Thị Lại | TV BKS | | 36 | 6 | 42 | TV độc lập |
| Cộng | | 1.232 | 516 | 146 | 1.894 | TV độc lập |

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: *Không có*

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: *Không có*

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty:

Công ty đã thực hiện tốt các quy định về quản trị Công ty

VI. Báo cáo tài chính

- BCTC năm 2018 bao gồm (Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Thuyết minh báo cáo tài chính) được kiểm toán bởi Công ty TNHH dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán Nam Việt.
- Địa chỉ công bố Báo cáo tài chính năm 2018:
Website: <http://Thanhhoasongda.com.vn>
- Địa chỉ cung cấp Báo cáo tài chính năm 2018:
Phòng kế toán – Công ty cổ phần Thanh Hoa Sông Đà – 25 Đại lộ Lê Lợi, Phường Lam Sơn, Thành phố Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa

Số : 94./2019/BCKT-AASCN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA - SÔNG ĐÀ**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thanh Hoa - Sông Đà được lập ngày 25 tháng 3 năm 2019, từ trang 06 đến trang 36, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thanh Hoa - Sông Đà tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Thanh Hoa - Sông Đà cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này tại ngày 15 tháng 3 năm 2018.

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2019

**Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài
chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt**

Phó Giám đốc



Phạm Văn Cường

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2922-2019-152-1

Kiểm toán viên

Lê Mỹ Trang

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3764-2016-152-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

| STT | TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-------------|--|------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| A. | TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 60.155.853.707 | 44.915.720.117 |
| I. | Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | V.01 | 7.872.017.665 | 6.219.325.885 |
| 1. | Tiền | 111 | | 4.843.131.665 | 5.219.325.885 |
| 2. | Các khoản tương đương tiền | 112 | | 3.028.886.000 | 1.000.000.000 |
| II. | Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | - | - |
| 1. | Chứng khoán kinh doanh | 121 | | - | - |
| 2. | Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh | 122 | | - | - |
| 3. | Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | | - | - |
| III. | Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 14.738.229.465 | 13.467.618.467 |
| 1. | Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | V.02 | 6.192.514.486 | 7.434.766.896 |
| 2. | Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | V.03 | 4.481.201.449 | 2.317.928.468 |
| 3. | Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | - | - |
| 4. | Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 | | - | - |
| 5. | Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | | - | - |
| 6. | Phải thu ngắn hạn khác | 136 | V.04 | 5.106.907.788 | 5.506.231.363 |
| 7. | Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*) | 137 | V.05 | (1.042.394.258) | (1.791.308.260) |
| 8. | Tài sản thiếu chờ xử lý | 139 | | - | - |
| IV. | Hàng tồn kho | 140 | V.06 | 36.194.919.860 | 24.885.582.935 |
| 1. | Hàng tồn kho | 141 | | 36.442.445.054 | 24.917.557.869 |
| 2. | Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*) | 149 | | (247.525.194) | (31.974.934) |
| V. | Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 1.350.686.717 | 343.192.830 |
| 1. | Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | V.10 | 119.555.089 | 144.033.113 |
| 2. | Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | 1.231.131.628 | 199.159.717 |
| 3. | Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | | - | - |
| 4. | Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 154 | | - | - |
| 5. | Tài sản ngắn hạn khác | 155 | | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ

Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

| STT | TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-------------|--|------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| B. | TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 25.207.022.268 | 39.026.386.965 |
| I. | Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | - | - |
| 1. | Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | V.02 | - | - |
| 2. | Trả trước cho người bán dài hạn | 212 | | - | - |
| 3. | Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc | 213 | | - | - |
| 4. | Phải thu nội bộ dài hạn | 214 | | - | - |
| 6. | Phải thu dài hạn khác | 216 | V.04 | - | - |
| 7. | Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*) | 219 | | - | - |
| II. | Tài sản cố định | 220 | | 11.383.819.681 | 10.989.690.570 |
| 1. | Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.08 | 11.383.819.681 | 10.989.690.570 |
| | - Nguyên giá | 222 | | 22.000.892.050 | 20.299.609.650 |
| | - Giá trị hao mòn lũy kế (*) | 223 | | (10.617.072.369) | (9.309.919.080) |
| 2. | Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | | - | - |
| | - Nguyên giá | 225 | | - | - |
| | - Giá trị hao mòn lũy kế (*) | 226 | | - | - |
| 3. | Tài sản cố định vô hình | 227 | | - | - |
| | - Nguyên giá | 228 | | - | - |
| | - Giá trị hao mòn lũy kế (*) | 229 | | - | - |
| III. | Bất động sản đầu tư | 230 | V.09 | 13.425.632.815 | 22.599.724.923 |
| 1. | Nguyên giá | 231 | | 20.870.696.426 | 32.414.404.563 |
| 2. | Giá trị hao mòn lũy kế (*) | 232 | | (7.445.063.611) | (9.814.679.640) |
| IV. | Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | 98.490.596 | 4.733.330.710 |
| 1. | Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241 | | - | - |
| 2. | Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | V.07 | 98.490.596 | 4.733.330.710 |
| V. | Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | - | - |
| VI. | Tài sản dài hạn khác | 260 | | 299.079.176 | 703.640.762 |
| 1. | Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.10 | 299.079.176 | 703.640.762 |
| 2. | Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | | - | - |
| 4. | Tài sản dài hạn khác | 268 | | - | - |
| | TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 85.362.875.975 | 83.942.107.082 |

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ

Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

| STT | NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|------------|---|------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| C. | NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 44.418.960.449 | 47.596.294.621 |
| I. | Nợ ngắn hạn | 310 | | 44.418.960.449 | 38.521.294.621 |
| 1. | Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | V.12 | 25.936.827.357 | 17.579.307.486 |
| 2. | Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | V.13 | 625.071.049 | 170.868.351 |
| 3. | Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | V.14 | 181.898.343 | 265.764.968 |
| 4. | Phải trả người lao động | 314 | | 736.635.378 | 591.542.085 |
| 5. | Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | | - | - |
| 8. | Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | V.16 | 20.454.535 | 737.027.264 |
| 9. | Phải trả ngắn hạn khác | 319 | V.15 | 282.106.748 | 193.339.272 |
| 10. | Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | V.11 | 16.139.105.151 | 18.529.276.758 |
| 12. | Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | | 496.861.888 | 454.168.437 |
| II. | Nợ dài hạn | 330 | | - | 9.075.000.000 |
| 6. | Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 336 | V.16 | - | 9.075.000.000 |
| D. | VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 40.943.915.526 | 36.345.812.461 |
| I. | Vốn chủ sở hữu | 410 | V.17 | 40.943.915.526 | 36.345.812.461 |
| 1. | Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 30.000.000.000 | 30.000.000.000 |
| | - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 30.000.000.000 | 30.000.000.000 |
| | - Cổ phiếu ưu đãi | 411b | | - | - |
| 5. | Cổ phiếu quỹ (*) | 415 | | (2.162.020.000) | (2.162.020.000) |
| 8. | Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | 6.088.394.010 | 5.788.394.010 |
| 11. | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | 7.017.541.516 | 2.719.438.451 |
| | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước | 421a | | - | - |
| | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay | 421b | | 7.017.541.516 | 2.719.438.451 |
| II. | Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | - | - |
| | TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 85.362.875.975 | 83.942.107.082 |

Thanh Hóa, ngày 25 tháng 3 năm 2019

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thanh Thủy

Kế toán trưởng

Vũ Thị Lý

Tổng Giám đốc



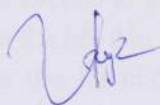
Nguyễn Thanh Hải

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2018

Đơn vị tính: VND

| STT | CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|-----|---|-------|-------------|-----------------|-----------------|
| 1. | Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VI.01 | 281.074.532.884 | 271.521.714.886 |
| 2. | Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | VI.02 | 128.181.819 | - |
| 3. | Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | | 280.946.351.065 | 271.521.714.886 |
| 4. | Giá vốn hàng bán | 11 | VI.03 | 257.383.578.889 | 253.199.052.438 |
| 5. | Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 23.562.772.176 | 18.322.662.448 |
| 6. | Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.04 | 399.747.687 | 287.086.083 |
| 7. | Chi phí tài chính | 22 | VI.05 | 698.479.368 | 967.356.691 |
| | <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i> | 23 | | 650.706.368 | 967.356.691 |
| 8. | Chi phí bán hàng | 25 | VI.08 | 11.603.368.644 | 10.383.404.532 |
| 9. | Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | VI.08 | 4.725.440.774 | 4.081.157.924 |
| 10. | Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 6.935.231.077 | 3.177.829.384 |
| 11. | Thu nhập khác | 31 | VI.06 | 2.989.283.775 | 1.441.877.073 |
| 12. | Chi phí khác | 32 | VI.07 | 1.099.463.736 | 1.218.893.914 |
| 13. | Lợi nhuận khác | 40 | | 1.889.820.039 | 222.983.159 |
| 14. | Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 8.825.051.116 | 3.400.812.543 |
| 15. | Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | VI.09 | 1.807.509.600 | 681.374.092 |
| 16. | Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 52 | | - | - |
| 17. | Lợi nhuận sau thuế TNDN | 60 | | 7.017.541.516 | 2.719.438.451 |
| 18. | Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | VI.10 | 2.552 | 911 |
| 19. | Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 71 | VI.11 | 2.552 | 911 |

Người lập biểu



Nguyễn Thị Thanh Thủy

Kế toán trưởng



Vũ Thị Lý

Thanh Hóa, ngày 25 tháng 3 năm 2019



Nguyễn Thanh Hải

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2018

Đơn vị tính: VND

| STT | CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|------------|--|-----------|-------------|------------------------|------------------------|
| I. | Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | | |
| 1. | Lợi nhuận trước thuế | 01 | | 8.825.051.116 | 3.400.812.543 |
| 2. | Điều chỉnh cho các khoản | | | | |
| - | Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT | 02 | | 2.069.744.385 | 2.346.394.437 |
| - | Các khoản dự phòng | 03 | | (533.363.742) | 73.013.973 |
| - | Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | | (59.267) | - |
| - | Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | | (4.533.816.101) | - |
| - | Chi phí lãi vay | 06 | | 650.706.368 | 967.356.691 |
| - | Các khoản điều chỉnh khác | 07 | | - | - |
| 3. | Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | | 6.478.262.759 | 6.787.577.644 |
| - | Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | | (1.553.668.907) | (3.664.256.658) |
| - | Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | | (11.524.887.185) | (4.136.040.650) |
| - | Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp) | 11 | | (819.880.453) | (320.517.906) |
| - | Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | | 429.039.610 | 259.592.078 |
| - | Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh | 13 | | - | - |
| - | Tiền lãi vay đã trả | 14 | | (650.706.368) | (967.356.691) |
| - | Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | | (1.789.287.162) | (923.290.097) |
| - | Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | | - | - |
| - | Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh | 17 | | (216.745.001) | (169.235.000) |
| | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | (9.647.872.707) | (3.133.527.280) |
| II. | Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | | |
| - | Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác | 21 | | (1.821.137.262) | (736.318.181) |
| - | Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác | 22 | | 17.468.181.818 | - |
| - | Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | | - | - |
| - | Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | | - | - |
| - | Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | | - | - |
| - | Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | | - | - |
| - | Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | | 231.830.271 | - |
| | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | 15.878.874.827 | (736.318.181) |

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ

Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

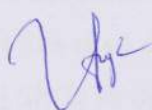
| STT | CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|-------------|---|-----------|-------------|------------------------|----------------------|
| III. | Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | |
| 1. | Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 | | - | - |
| 2. | Tiền trả lại vốn góp của chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | | - | - |
| 3. | Tiền thu từ đi vay | 33 | | 128.598.364.591 | 141.853.388.758 |
| 4. | Tiền trả nợ gốc vay | 34 | | (130.988.536.198) | (132.807.941.363) |
| 5. | Tiền trả nợ gốc thuê tài chính | 35 | | - | - |
| 6. | Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | | (2.188.198.000) | (3.454.636.500) |
| | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | (4.578.369.607) | 5.590.810.895 |
| | Lưu chuyển tiền thuần trong năm | 50 | | 1.652.632.513 | 1.720.965.434 |
| | Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | | 6.219.325.885 | 4.498.360.451 |
| | Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | 59.267 | - |
| | Tiền và tương đương tiền cuối năm | 70 | | 7.872.017.665 | 6.219.325.885 |

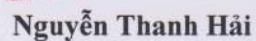
Thanh Hóa, ngày 25 tháng 3 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Thanh Thủy

Vũ Thị Lý

Nguyễn Thanh Hải

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2018

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

01. Hình thức sở hữu vốn

Là Công ty cổ phần.

02. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là thương mại và kinh doanh bất động sản.

03. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là kinh doanh hàng hóa và cho thuê văn phòng.

04. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

05. Cấu trúc doanh nghiệp

- Danh sách các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:

| Tên đơn vị | Địa chỉ |
|------------------------------------|--|
| Xí nghiệp thương mại- Dịch vụ số 1 | Lô CC4, KCN Tây Bắc Ga, Đông Thọ, Thanh Hóa |
| Xí nghiệp thương mại- Dịch vụ số 2 | Số 13 Cao Thắng, P.Lam Sơn, TP. Thanh Hóa, Thanh Hóa |
| Xí nghiệp thương mại- Dịch vụ số 3 | Số 301 Trần Phú, P.Ba Đình, TP. Thanh Hóa, Thanh Hóa |
| Xí nghiệp thương mại- Dịch vụ số 6 | Lô CC4, KCN Tây Bắc Ga, Đông Thọ, Thanh Hóa |

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

01. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

02. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

03. Các khoản nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc của các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

04. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ

Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước, xuất trước.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

05. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể như sau:

| | |
|-----------------------------------|-------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 05 – 20 năm |
| - Máy móc, thiết bị | 04 – 08 năm |
| - Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 06 – 07 năm |

06. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

Nguyên giá

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Các chi phí phát sinh sau khi đưa bất động sản đầu tư vào sử dụng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng bất động sản đầu tư vượt mức hoạt động tiêu chuẩn được đánh giá ban đầu thì các khoản chi phí này được ghi tăng nguyên giá bất động sản đầu tư.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

| | |
|-----------|-------------|
| - Nhà cửa | 20 – 36 năm |
|-----------|-------------|

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không được trích khấu hao. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy thì bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được ghi giảm nguyên giá và tổn thất được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

07. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ

Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

08. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

09. Nguyên tắc ghi nhận vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

10. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

11. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có quyết định hoặc thông báo chia cổ tức cho các cổ đông.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ

Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong năm.

Doanh thu bán Bất động sản

Doanh thu bán bất động sản mà Công ty là chủ đầu tư được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, doanh nghiệp đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều năm được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

14. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm: Giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

15. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của hàng hóa, dịch vụ cung cấp trong năm.

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã phát sinh bao gồm cả việc trích trước chi phí vào giá vốn hàng bán.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm là chi phí lãi vay và chi phí tài chính khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ

Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

01. Tiền và các khoản tương đương tiền

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-----------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| - Tiền | 4.843.131.665 | 5.219.325.885 |
| + Tiền mặt | 983.350.158 | 2.274.597.052 |
| + Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 3.859.781.507 | 2.944.728.833 |
| + Tiền đang chuyển | - | - |
| - Các khoản tương đương tiền | 3.028.886.000 | 1.000.000.000 |
| Cộng | <u>7.872.017.665</u> | <u>6.219.325.885</u> |

02. Phải thu của khách hàng

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|-----------------------------|-----------------------------|
| a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn | <u>6.192.514.486</u> | <u>7.434.766.896</u> |
| - Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác | 6.192.514.486 | 7.434.766.896 |
| b. Phải thu của khách hàng dài hạn | - | - |
| Cộng | <u>6.192.514.486</u> | <u>7.434.766.896</u> |

03. Trả trước cho người bán

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|-----------------------------|-----------------------------|
| a. Trả trước cho người bán ngắn hạn | <u>4.481.201.449</u> | <u>2.317.928.468</u> |
| - Công ty Cổ phần Đại Đồng Tiến | 1.710.072.934 | 342.125.101 |
| - Công ty Cổ phần May Sông Hồng | 1.877.877.530 | 1.975.803.367 |
| - Công ty Cổ phần Cơ khí Xây lắp Thương mại Minh Cường | 863.000.000 | - |
| - Trả trước cho người bán ngắn hạn khác | 30.250.985 | - |
| b. Trả trước cho người bán dài hạn | - | - |
| Cộng | <u>4.481.201.449</u> | <u>2.317.928.468</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÁ
Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

04. Phải thu khác

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|---|----------------------|-------------------|----------------------|--------------------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| a. Ngắn hạn | 5.106.907.788 | 50.100.829 | 5.506.231.363 | 413.850.780 |
| - Tạm ứng | 5.237.700 | - | 8.000.000 | - |
| - Ký quỹ, ký cược ngắn hạn | 3.000.000.000 | - | 3.000.000.000 | - |
| - Phải thu tiền thương mại | 1.999.390.604 | - | 2.050.441.161 | - |
| + Công ty Cổ phần Điện lạnh Hòa Phát | 1.339.747.150 | - | 925.400.140 | - |
| + Hà Nội Chinghai Electric Works Co., Ltd | 185.700.000 | - | 245.331.930 | - |
| + Công ty Cổ phần May Sông Hồng | 70.000.000 | - | 70.000.000 | - |
| + Công ty Cổ phần Nội thất Hòa Phát | 93.954.545 | - | 30.909.091 | - |
| + Công ty TNHH Điện máy AQUA Việt Nam | 150.040.000 | - | 778.800.000 | - |
| + Công ty Cổ phần Xuân Hòa Việt Nam | 9.090.909 | - | - | - |
| + Công ty Cổ phần Đại Đồng Tiến | 50.858.000 | - | - | - |
| + Công ty Cổ phần Phích nước Rạng Đông | 100.000.000 | - | - | - |
| - Phải thu khác | 102.279.484 | 50.100.829 | 447.790.202 | 413.850.780 |
| b. Dài hạn | - | - | - | - |
| Cộng | 5.106.907.788 | 50.100.829 | 5.506.231.363 | 413.850.780 |

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ
Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

05. Nợ xấu

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | | | |
|--|-------------------|----------------------|------------------------|-------------------|----------------------|------------------------|
| | Thời gian quá hạn | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi | Thời gian quá hạn | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi |
| Các tổ chức và cá nhân khác | | 1.121.626.958 | 79.232.700 | | 1.874.689.136 | 83.380.876 |
| Công ty Cổ phần Huy Phát | Trên 3 năm | - | - | Trên 3 năm | 391.935.278 | - |
| Công ty TNHH MTV TM Xuất nhập khẩu Minh Thảo | Trên 3 năm | - | - | Trên 3 năm | 345.900.000 | - |
| Công ty TNHH Toàn Thắng TDT | Trên 3 năm | 331.690.000 | - | 1 - 2 năm | 331.690.000 | - |
| Công ty TNHH Quang Minh | Trên 3 năm | 112.625.501 | - | Trên 3 năm | 112.625.501 | - |
| Phải thu các tổ chức và cá nhân khác | 1 - 2 năm | 677.311.457 | 79.232.700 | 1 - 2 năm | 692.538.357 | 83.380.876 |
| | 2 - 3 năm | 58.077.000 | 72.057.500 | 2 - 3 năm | 90.179.739 | 44.737.876 |
| | Trên 3 năm | 34.934.000 | 7.175.200 | Trên 3 năm | 128.810.000 | 38.643.000 |
| | | 584.300.457 | - | | 473.548.618 | - |
| Cộng | | 1.121.626.958 | 79.232.700 | | 1.874.689.136 | 83.380.876 |

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ

Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

06. Hàng tồn kho

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|-------------|-----------------------|----------------------|-----------------------|---------------------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| - Hàng hoá | 36.442.445.054 | (247.525.194) | 24.917.557.869 | (31.974.934) |
| Cộng | 36.442.445.054 | (247.525.194) | 24.917.557.869 | (31.974.934) |

07. Tài sản dở dang dài hạn

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---------------------------------|-------------------|----------------------|
| Xây dựng cơ bản dở dang | | |
| - Công trình Bắc Cầu Hạc | - | 4.733.330.710 |
| - Công trình Nhà kho Tây Bắc Ga | 98.490.596 | - |
| Cộng | 98.490.596 | 4.733.330.710 |

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀSố 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

08. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

| Khoản mục | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc, thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Tổng cộng |
|-----------------------------------|---------------------------|----------------------|------------------------------------|-----------------------|
| I. Nguyên giá | | | | |
| Số dư đầu năm | 11.415.622.461 | 4.129.801.797 | 4.754.185.392 | 20.299.609.650 |
| - Mua trong năm | - | 86.522.400 | 1.614.760.000 | 1.701.282.400 |
| - Đầu tư XDCB hoàn thành | - | - | - | - |
| - Thanh lý, nhượng bán | - | - | - | - |
| - Giảm khác | - | - | - | - |
| Số dư cuối năm | 11.415.622.461 | 4.216.324.197 | 6.368.945.392 | 22.000.892.050 |
| II. Giá trị hao mòn lũy kế | | | | |
| Số dư đầu năm | 2.288.938.367 | 3.782.560.677 | 3.238.420.036 | 9.309.919.080 |
| - Khấu hao trong năm | 715.838.618 | 94.999.773 | 496.314.898 | 1.307.153.289 |
| - Tăng khác | - | - | - | - |
| - Thanh lý, nhượng bán | - | - | - | - |
| - Giảm khác | - | - | - | - |
| Số dư cuối năm | 3.004.776.985 | 3.877.560.450 | 3.734.734.934 | 10.617.072.369 |
| III. Giá trị còn lại | | | | |
| 1. Tại ngày đầu năm | 9.126.684.094 | 347.241.120 | 1.515.765.356 | 10.989.690.570 |
| 2. Tại ngày cuối năm | 8.410.845.476 | 338.763.747 | 2.634.210.458 | 11.383.819.681 |

Tại ngày 31/12/2018, nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng là 6.793.717.923 đồng.

Tại ngày 31/12/2018, một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 12.195.938.729 đồng và 8.357.233.469 đồng đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Thanh Hóa.

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ

Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

09. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

| Khoản mục | Số đầu năm | Tăng trong năm | Giảm trong năm | Số cuối năm |
|---|-----------------------|--------------------|-----------------------|-----------------------|
| I. Nguyên giá bất động sản đầu tư | 32.414.404.563 | 21.364.266 | 11.565.072.403 | 20.870.696.426 |
| - Quyền sử dụng đất | - | - | - | - |
| - Nhà | 32.414.404.563 | 21.364.266 | 11.565.072.403 | 20.870.696.426 |
| II. Giá trị hao mòn lũy kế | 9.814.679.640 | 762.591.096 | 3.132.207.125 | 7.445.063.611 |
| - Quyền sử dụng đất | - | - | - | - |
| - Nhà | 9.814.679.640 | 762.591.096 | 3.132.207.125 | 7.445.063.611 |
| III. Giá trị còn lại của bất động sản đầu tư | 22.599.724.923 | 21.364.266 | 9.195.456.374 | 13.425.632.815 |
| - Quyền sử dụng đất | - | - | - | - |
| - Nhà | 22.599.724.923 | 21.364.266 | 9.195.456.374 | 13.425.632.815 |

Tại ngày 31/12/2018, bất động sản đầu tư là Trung tâm thương mại số 25 Lê Lợi có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 15.488.315.193 đồng và 10.555.029.517 đồng đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Thanh Hóa.

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán số 05 – “Bất động sản đầu tư”, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 cần được trình bày. Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 để trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính do không có giao dịch thị trường nào gần đây cho bất động sản tương tự và nằm cùng địa điểm với bất động sản đầu tư của Công ty.

10. Chi phí trả trước

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-----------------------------|--------------------|--------------------|
| a. Ngắn hạn | 119.555.089 | 144.033.113 |
| - Chi phí bảo hiểm | 35.586.660 | 53.153.881 |
| - Công cụ dụng cụ xuất dùng | 19.829.159 | 26.179.778 |
| - Chi phí thuê kho | 46.384.583 | 45.000.000 |
| - Các khoản khác | 17.754.687 | 19.699.454 |
| b. Dài hạn | 299.079.176 | 703.640.762 |
| - Công cụ dụng cụ xuất dùng | 34.244.395 | 37.665.612 |
| - Chi phí sửa chữa tài sản | 264.834.781 | 665.975.150 |
| Cộng | 418.634.265 | 847.673.875 |

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ
Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

| 11. Vay và nợ thuê tài chính | Số đầu năm | | Trong năm | | Số cuối năm | |
|--|-----------------------|-----------------------|------------------------|------------------------|-----------------------|-----------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Tăng | Giảm | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| a. Vay ngắn hạn | 18.529.276.758 | 18.529.276.758 | 128.598.364.591 | 130.988.536.198 | 16.139.105.151 | 16.139.105.151 |
| - Vay ngân hàng | 18.529.276.758 | 18.529.276.758 | 128.598.364.591 | 130.988.536.198 | 16.139.105.151 | 16.139.105.151 |
| + Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa (*) | 18.529.276.758 | 18.529.276.758 | 128.598.364.591 | 130.988.536.198 | 16.139.105.151 | 16.139.105.151 |
| b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | - | - | - | - | - | - |
| Cộng | 18.529.276.758 | 18.529.276.758 | 128.598.364.591 | 130.988.536.198 | 16.139.105.151 | 16.139.105.151 |

Thông tin chi tiết liên quan đến khoản vay ngắn hạn:

(*) Khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Thanh Hóa theo Hợp đồng tín dụng số 3500/116/HS/2018-DN ngày 12/9/2018 với hạn mức 35.000.000.000 VND, Mục đích để vay vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh mặt hàng điện tử, điện lạnh, đồ gia dụng... Thời hạn vay là 12 tháng. Lãi suất vay cố định 6,5%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng một số nhà cửa vật kiến trúc, máy móc thiết bị và bất động sản đầu tư của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ
Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|---|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| 12. Phải trả người bán | | | | |
| <i>a. Phải trả người bán ngắn hạn</i> | | | | |
| - Công ty TNHH Điện lạnh Hòa Phát | 25.936.827.357 | 25.936.827.357 | 17.579.307.486 | 17.579.307.486 |
| - Công ty Cổ phần Bóng đèn Phích nước Rạng Đông | 5.357.020.953 | 5.357.020.953 | 4.756.460.100 | 4.756.460.100 |
| - Công ty Cổ phần Nội thất Hòa Phát | 10.336.421.961 | 10.336.421.961 | 3.090.043.126 | 3.090.043.126 |
| - Công ty TNHH Thương mại Hương Thủy | 1.247.057.030 | 1.247.057.030 | 3.034.476.555 | 3.034.476.555 |
| - Phải trả ngắn hạn cho các người bán khác | 4.247.794.553 | 4.247.794.553 | 3.780.995.551 | 3.780.995.551 |
| - Phải trả người bán dài hạn | 4.748.532.860 | 4.748.532.860 | 2.917.332.154 | 2.917.332.154 |
| Cộng | 25.936.827.357 | 25.936.827.357 | 17.579.307.486 | 17.579.307.486 |

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|---|--------------------|-----------------------|--------------------|-----------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| 13. Người mua trả tiền trước | | | | |
| <i>a. Người mua trả tiền trước ngắn hạn</i> | | | | |
| - Công ty TNHH Thương mại Hoàng Lý | 625.071.049 | 170.868.351 | - | - |
| - Người mua trả tiền trước ngắn hạn khác | 210.000.000 | 170.868.351 | - | - |
| <i>b. Người mua trả tiền trước dài hạn</i> | | | | |
| Cộng | 625.071.049 | 170.868.351 | 170.868.351 | 170.868.351 |

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ

Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| | Số phải thu đầu năm | Số phải nộp đầu năm | Số phải nộp trong năm | Số đã thực nộp trong năm | Số phải thu cuối năm | Số phải nộp cuối năm |
|---|---------------------------|------------------------|--------------------------|-----------------------------|----------------------------|-------------------------|
| - Thuế giá trị gia tăng đầu ra | - | - | 1.905.905.874 | 1.905.905.874 | - | - |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp | - | 119.952.725 | 1.807.509.600 | 1.789.287.162 | - | 138.175.163 |
| - Thuế thu nhập cá nhân | - | 28.251.257 | 212.777.465 | 197.305.542 | - | 43.723.180 |
| - Thuế nhà đất và tiền thuế đất | - | 117.560.986 | 1.767.150.063 | 1.884.711.049 | - | - |
| - Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác | - | - | 156.300.244 | 156.300.244 | - | - |
| Cộng | - | 265.764.968 | 5.849.643.246 | 5.933.509.871 | - | 181.898.343 |

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ

Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

15. Các khoản phải trả, phải nộp khác

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-------------------------------------|--------------------|--------------------|
| a. Ngắn hạn | 282.106.748 | 193.339.272 |
| - Kinh phí công đoàn | 660.690 | 1.346.544 |
| - Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn | 15.448.133 | 15.448.133 |
| - Cổ tức, lợi nhuận phải trả | 148.247.925 | 176.445.925 |
| - Các khoản phải trả, phải nộp khác | 117.750.000 | 98.670 |
| + Chi phí tri ân, hỗ trợ khách hàng | 117.750.000 | - |
| + Các đối tượng khác | - | 98.670 |
| b. Dài hạn | - | - |
| Cộng | 282.106.748 | 193.339.272 |

16. Doanh thu chưa thực hiện

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|------------------------------|--------------------|----------------------|
| a. Ngắn hạn | 20.454.535 | 737.027.264 |
| - Doanh thu cho thuê tài sản | 20.454.535 | 737.027.264 |
| b. Dài hạn | - | 9.075.000.000 |
| - Doanh thu cho thuê tài sản | - | 9.075.000.000 |
| Cộng | 20.454.535 | 9.812.027.264 |

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀSố 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

17. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

| | Vốn góp của chủ sở hữu | Cổ phiếu quỹ | Quỹ đầu tư phát triển | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Cộng |
|-----------------------------|------------------------|------------------------|-----------------------|-----------------------------------|-----------------------|
| Số dư đầu năm trước | 30.000.000.000 | (2.162.020.000) | 4.588.394.010 | 5.016.693.281 | 37.443.067.291 |
| Tăng vốn trong năm trước | - | - | - | - | - |
| Lãi/(lỗ) trong năm trước | - | - | - | 2.719.438.451 | 2.719.438.451 |
| Phân phối lợi nhuận | - | - | 1.200.000.000 | (5.016.693.281) | (3.816.693.281) |
| Giảm khác | - | - | - | - | - |
| Số dư cuối năm trước | 30.000.000.000 | (2.162.020.000) | 5.788.394.010 | 2.719.438.451 | 36.345.812.461 |
| Số dư đầu năm nay | | | | | |
| Tăng vốn trong năm | - | - | - | - | - |
| Lãi/(lỗ) trong năm | - | - | - | 7.017.541.516 | 7.017.541.516 |
| Tăng khác | - | - | - | - | - |
| Giảm vốn trong năm | - | - | - | - | - |
| Phân phối lợi nhuận (*) | - | - | 300.000.000 | (2.719.438.451) | (2.419.438.451) |
| Giảm khác | - | - | - | - | - |
| Số dư cuối năm | 30.000.000.000 | (2.162.020.000) | 6.088.394.010 | 7.017.541.516 | 40.943.915.526 |

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ

Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 09/ĐHĐCĐ-NQ ngày 28 tháng 3 năm 2018, Công ty thực hiện việc phân phối lợi nhuận năm 2017 như sau:

| | Tỷ lệ % | Số tiền VND |
|--|------------|----------------------|
| Trích quỹ đầu tư phát triển | 11,03 | 300.000.000 |
| Trích quỹ khen thưởng phúc lợi | 7,55 | 205.438.451 |
| Trích quỹ thưởng ban quản lý điều hành | 1,99 | 54.000.000 |
| Chia cổ tức | 79,43 | 2.160.000.000 |
| Tổng phân phối lợi nhuận | 100 | 2.719.438.451 |

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|-------------------------------|-----------------------|-------------|-----------------------|-------------|
| | Giá trị | Tỷ lệ | Giá trị | Tỷ lệ |
| Vốn góp của các cổ đông khác: | | | | |
| - Các cổ đông khác | 30.000.000.000 | 100% | 30.000.000.000 | 100% |
| Cộng | 30.000.000.000 | 100% | 30.000.000.000 | 100% |

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

| | Năm nay | Năm trước |
|-----------------------------|----------------|----------------|
| - Vốn góp của chủ sở hữu | | |
| + Vốn góp đầu năm | 30.000.000.000 | 30.000.000.000 |
| + Vốn góp tăng trong năm | - | - |
| + Vốn góp giảm trong năm | - | - |
| + Vốn góp cuối năm | 30.000.000.000 | 30.000.000.000 |
| - Cổ tức, lợi nhuận đã chia | 2.160.000.000 | 3.510.000.000 |

d. Cổ phiếu

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|-------------|------------|
| - Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 3.000.000 | 3.000.000 |
| - Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 3.000.000 | 3.000.000 |
| + <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | 3.000.000 | 3.000.000 |
| + <i>Cổ phiếu ưu đãi</i> | - | - |
| - Số lượng cổ phiếu được mua lại | 300.000 | 300.000 |
| + <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | 300.000 | 300.000 |
| + <i>Cổ phiếu ưu đãi</i> | - | - |
| - Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 2.700.000 | 2.700.000 |
| + <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | 2.700.000 | 2.700.000 |
| + <i>Cổ phiếu ưu đãi</i> | - | - |

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

e. Các quỹ của Công ty

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-------------------------|----------------------|----------------------|
| - Quỹ đầu tư phát triển | 6.088.394.010 | 5.788.394.010 |
| Cộng | 6.088.394.010 | 5.788.394.010 |

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ

Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)*Đơn vị tính: VND***18. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán****a. Ngoại tệ các loại**

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-------|--------------------|-------------------|
| - USD | 392,32 | 405,02 |

b. Nợ khó đòi đã xử lý

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-----------------------|--------------------|-------------------|
| - Nợ khó đòi đã xử lý | 954.755.852 | 161.818.874 |

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|-------------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| - Doanh thu bán hàng hóa | 254.792.106.978 | 262.077.671.248 |
| - Doanh thu kinh doanh bất động sản | 26.282.425.906 | 9.444.043.638 |
| Cộng | <u>281.074.532.884</u> | <u>271.521.714.886</u> |

02. Các khoản giảm trừ doanh thu

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|-----------------------|---------------------------|------------------|
| - Giảm giá hàng bán | 22.545.455 | - |
| - Hàng bán bị trả lại | 105.636.364 | - |
| Cộng | <u>128.181.819</u> | <u>-</u> |

03. Giá vốn hàng bán

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|-------------------------------|-------------------------------|
| - Giá vốn của hàng hóa đã bán | 241.349.824.862 | 250.216.992.501 |
| - Chi phí kinh doanh Bất động sản đầu tư | 15.818.203.767 | 2.966.217.677 |
| - Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 215.550.260 | 15.842.260 |
| Cộng | <u>257.383.578.889</u> | <u>253.199.052.438</u> |

04. Doanh thu hoạt động tài chính

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|---------------------------|---------------------------|
| - Lãi tiền gửi, tiền cho vay | 231.830.271 | 176.177.068 |
| - Lãi chênh lệch tỷ giá | 59.267 | - |
| - Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán | 167.858.149 | 110.909.015 |
| Cộng | <u>399.747.687</u> | <u>287.086.083</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ
 Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

05. Chi phí tài chính

| | Năm nay | Năm trước |
|--------------------------|--------------------|--------------------|
| - Lãi tiền vay | 650.706.368 | 967.356.691 |
| - Chi phí tài chính khác | 47.773.000 | - |
| Cộng | 698.479.368 | 967.356.691 |

06. Thu nhập khác

| | Năm nay | Năm trước |
|--|----------------------|----------------------|
| - Thu thanh lý từ hợp đồng cho thuê showroom Bắc Cầu Hạc | 1.838.636.364 | - |
| - Tiền điện nước | 1.057.005.582 | 1.219.067.723 |
| - Hàng khuyến mãi, hỗ trợ bán hàng | 57.507.863 | 189.839.677 |
| - Xử lý công nợ | 3.365.412 | 31.649.055 |
| - Các khoản khác | 32.768.554 | 1.320.618 |
| Cộng | 2.989.283.775 | 1.441.877.073 |

07. Chi phí khác

| | Năm nay | Năm trước |
|-------------------------------------|----------------------|----------------------|
| - Tiền điện, nước cho thuê mặt bằng | 1.060.454.703 | 1.209.633.604 |
| - Chi phí khác | 39.009.033 | 9.260.310 |
| Cộng | 1.099.463.736 | 1.218.893.914 |

08. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

| | Năm nay | Năm trước |
|--|-----------------------|-----------------------|
| a. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh | 4.725.440.774 | 4.081.157.924 |
| - Chi phí nhân viên quản lý | 2.395.420.451 | 2.346.754.846 |
| - Chi phí vật liệu quản lý | 31.857.573 | 62.955.534 |
| - Chi phí đồ dùng văn phòng | 27.114.848 | 31.503.594 |
| - Chi phí khấu hao TSCĐ | - | 6.845.707 |
| - Thuế, phí và lệ phí | 215.369.462 | 38.593.194 |
| - Chi phí dự phòng | 43.968.976 | 57.171.713 |
| - Chi phí dịch vụ mua ngoài | 178.502.110 | 67.548.340 |
| - Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác | 1.833.207.354 | 1.469.784.996 |
| b. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh | 11.603.368.644 | 10.383.404.532 |
| - Chi phí nhân viên | 6.031.702.029 | 5.433.246.295 |
| - Chi phí vật liệu, bao bì | 769.491.175 | 607.963.120 |
| - Chi phí dụng cụ, đồ dùng | 276.838.830 | 164.746.356 |
| - Chi phí khấu hao TSCĐ | 1.307.153.289 | 1.268.527.406 |
| - Chi phí dịch vụ mua ngoài | 1.352.689.299 | 990.741.348 |
| - Các khoản chi phí bán hàng khác | 1.865.494.022 | 1.918.180.007 |
| Cộng | 16.328.809.418 | 14.464.562.456 |

Đơn vị tính: VND

09. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

| | Năm nay | Năm trước |
|--|----------------------|--------------------|
| - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành (*) | 1.695.577.367 | 681.374.092 |
| - Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay | 111.932.233 | - |
| Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành | 1.807.509.600 | 681.374.092 |

(*) Chi tiết xác định chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

| | Năm nay | Năm trước |
|--|----------------------|--------------------|
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN | 8.825.051.116 | 3.400.812.543 |
| Các khoản điều chỉnh tăng | 33.855.586 | 6.057.918 |
| Các khoản phạt | 33.855.586 | 6.057.918 |
| Các khoản điều chỉnh giảm | 381.019.867 | - |
| Tiền hỗ trợ bán hàng nhận được đã tính thuế năm 2017 | 380.960.600 | - |
| Lãi chênh lệch tỷ giá cuối kỳ của tiền gửi ngân hàng | 59.267 | - |
| Thu nhập chịu thuế TNDN | 8.477.886.835 | 3.406.870.461 |
| Thuế suất thuế TNDN | 20% | 20% |
| Chi phí thuế thu nhập hiện hành | 1.695.577.367 | 681.374.092 |

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|---|---------------|---------------|
| - Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông | 7.017.541.516 | 2.719.438.451 |
| - Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông | - | - |
| - Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông | 7.017.541.516 | 2.719.438.451 |
| - Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*) | 126.000.000 | 259.438.451 |
| - Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ | 2.700.000 | 2.700.000 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 2.552 | 911 |

(*) Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích lập từ lợi nhuận năm 2018 tạm tính theo kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2018 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ

Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

11. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi suy giảm trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|---|---------------|---------------|
| - Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông | 7.017.541.516 | 2.719.438.451 |
| - Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông | - | - |
| - Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông | 7.017.541.516 | 2.719.438.451 |
| - Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| - Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*) | 126.000.000 | 259.438.451 |
| - Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ | 2.700.000 | 2.700.000 |
| - Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm | - | - |
| Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 2.552 | 911 |

(*) Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích lập từ lợi nhuận năm 2018 tạm tính theo kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2018 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

12. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

| | Năm nay | Năm trước |
|------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| - Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 801.348.748 | 670.918.654 |
| - Chi phí nhân công | 8.427.122.480 | 7.780.001.141 |
| - Chi phí khấu hao tài sản cố định | 2.069.744.385 | 2.346.394.437 |
| - Chi phí dịch vụ mua ngoài | 1.531.191.409 | 1.350.304.545 |
| - Chi phí khác bằng tiền | 5.757.441.199 | 3.503.255.003 |
| - Chi phí dự phòng | 43.968.976 | - |
| Cộng | 18.630.817.197 | 15.650.873.780 |

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Không có thông tin.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**01. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2018 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

02. Giao dịch với các bên liên quan**Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan**

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ

Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

| | <i>Đơn vị tính: VND</i> | |
|-------------|-----------------------------|-----------------------------|
| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
| Tiền lương | 1.447.376.971 | 1.281.193.104 |
| Phụ cấp | 420.000.000 | 420.000.000 |
| Cộng | <u>1.867.376.971</u> | <u>1.701.193.104</u> |

03. Báo cáo bộ phận**Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực thương mại;
- Lĩnh vực kinh doanh Bất động sản.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

| | <u>Thương mại</u> | <u>Kinh doanh BDS</u> | <u>Cộng</u> |
|--|------------------------------|---------------------------|------------------------------|
| Năm nay | | | |
| - Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài | 254.663.925.159 | 26.282.425.906 | 280.946.351.065 |
| - Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác | | | - |
| - Chi phí phân bổ | 250.941.295.413 | 23.069.824.575 | 274.011.119.988 |
| - Lợi nhuận từ hoạt động KD | 3.722.629.746 | 3.212.601.331 | 6.935.231.077 |
| - Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn | 1.841.495.723 | 21.364.266 | 1.862.859.989 |
| - Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn | 1.755.463.270 | 762.591.096 | 2.518.054.366 |
| Số dư cuối năm | | | |
| - Tài sản trực tiếp của bộ phận | 64.065.225.495 | 13.425.632.815 | 77.490.858.310 |
| - Tài sản không phân bổ | | | 7.872.017.665 |
| Tổng tài sản | 64.065.225.495 | 13.425.632.815 | 85.362.875.975 |
| - Nợ phải trả bộ phận | 43.832.732.062 | 89.366.499 | 43.922.098.561 |
| - Nợ phải trả không phân bổ | | | 496.861.888 |
| Tổng nợ phải trả | <u>43.832.732.062</u> | <u>89.366.499</u> | <u>44.418.960.449</u> |

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ
Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

04. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

| | Giá trị sổ sách | | Giá trị hợp lý | |
|--------------------------------------|-----------------------|-----------------------|----------------|------------|
| | Số cuối năm | Số đầu năm | Số cuối năm | Số đầu năm |
| Tài sản tài chính | | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 7.872.017.665 | 6.219.325.885 | (*) | (*) |
| Phải thu khách hàng và phải thu khác | 8.294.184.574 | 9.932.998.259 | (*) | (*) |
| Đầu tư tài chính ngắn hạn | - | - | - | - |
| Đầu tư tài chính dài hạn | - | - | - | - |
| Cộng | 16.166.202.239 | 16.152.324.144 | | |

| | Giá trị sổ sách | | Giá trị hợp lý | |
|------------------------------|-----------------------|-----------------------|----------------|------------|
| | Số cuối năm | Số đầu năm | Số cuối năm | Số đầu năm |
| Nợ phải trả tài chính | | | | |
| Phải trả cho người bán | 25.936.827.357 | 17.579.307.486 | (*) | (*) |
| Vay và nợ | 16.139.105.151 | 18.529.276.758 | (*) | (*) |
| Chi phí phải trả | - | - | (*) | (*) |
| Các khoản phải trả khác | 117.750.000 | 98.670 | (*) | (*) |
| Cộng | 42.193.682.508 | 36.108.682.914 | | |

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về các xác định giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Do vậy, Công ty không thuyết minh giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ

Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**05. Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chi giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

06. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

Đơn vị tính: VND

| | Từ 1 năm trở xuống | Trên 1 năm đến 5 năm | Trên 5 năm | Cộng |
|-------------------------|---------------------------|-----------------------------|-------------------|-----------------------|
| Số cuối năm | | | | |
| Phải trả cho người bán | 25.936.827.357 | - | - | 25.936.827.357 |
| Vay và nợ | 16.139.105.151 | - | - | 16.139.105.151 |
| Chi phí phải trả | - | - | - | - |
| Các khoản phải trả khác | 117.750.000 | - | - | 117.750.000 |
| Cộng | 42.193.682.508 | - | - | 42.193.682.508 |
| Số đầu năm | | | | |
| Phải trả cho người bán | 17.579.307.486 | - | - | 17.579.307.486 |
| Vay và nợ | 18.529.276.758 | - | - | 18.529.276.758 |
| Chi phí phải trả | - | - | - | - |
| Các khoản phải trả khác | 98.670 | - | - | 98.670 |
| Cộng | 36.108.682.914 | - | - | 36.108.682.914 |

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

07. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ

Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty không có rủi ro ngoại tệ do việc mua và bán hàng hóa, dịch vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ kế toán là VND.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, cho vay và các khoản vay.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

08. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C – Chi nhánh Hà Nội. Trong đó, chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu, lãi suy giảm trên cổ phiếu được trình bày lại cho phù hợp theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, cụ thể:

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ :

| STT | Nội dung | Số liệu đã trình bày trên BCTC cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 | Số liệu trình bày lại trên BCTC cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 |
|---|----------------------------|---|--|
| Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh : | | | |
| 1 | Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 927 | 911 |
| 2 | Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 927 | 911 |
| Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán | | | |
| | Nợ khó đòi đã xử lý | 137.686.837 | 161.818.874 |

09. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm tài chính, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Người lập biểu



Nguyễn Thị Thanh Thủy


Kế toán trưởng



Vũ Thị Lý

Thanh Hóa, ngày 25 tháng 3 năm 2019

Tổng Giám đốc



 Nguyễn Thanh Hải

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA SÔNG ĐÀ



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thanh Hải